

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CTY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

2013

MỤC LỤC

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Quá trình hình thành và phát triển :

- 35 năm hình thành và phát triển
- Các cột mốc phát triển
- Văn hóa doanh nghiệp
- Sản phẩm
- Sứ mệnh và tầm nhìn
- Giá trị cốt lõi
- Triết lý kinh doanh

2. Các mục tiêu của giai đoạn 2015-2019

II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức

2. Ban quản trị công ty

3. Số lượng nhân viên và chính sách với người lao động

- a. Số lượng lao động
- b. Chính sách với người lao động

4. Công ty thành viên & liên kết

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2013 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2013

IV. BÁO CÁO HĐQT & BGD VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2013 - ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH 2014

VI. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013

1. Báo cáo tài chính năm 2013
2. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2013

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Quá trình hình thành và phát triển :

35 1978-2013 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Sự phát triển được tạo ra bằng cách luôn luôn hướng về phía trước, vượt qua những trở ngại bằng tầm nhìn dài hạn, chiến lược đúng và quyết tâm cao của tổ chức.



Năm 2008

Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu đã chính thức được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).



>> 35 năm hình thành và phát triển:

Năm 1978, Thương hiệu Hữu Liên chính thức có mặt trên thị trường với khởi điểm là mô hình hoạt động của một cơ sở sản xuất các loại phụ tùng xe đạp, xe máy như: xích, lốp, cãm xe.

Thời gian này, đây được xem là một trong những doanh nghiệp hiếm hoi sản xuất dòng sản phẩm này. Chỉ trong vòng 2 năm, quy mô cơ sở sản xuất được mở rộng với hơn 100 nhân viên.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, tổ sản xuất Hữu Liên phát triển mạnh về cả sản lượng và quy mô sản xuất thành Xí nghiệp Tư doanh Hữu Liên. Đến ngày 4/4/1992, Xí nghiệp Tư doanh Hữu Liên lấy tên là doanh nghiệp Tư nhân Hữu Liên, đồng thời mở rộng phạm vi sản xuất sang các lĩnh vực sản phẩm cơ khí tiêu dùng, cán kéo kim loại đen, sản xuất nhựa, sản xuất ống thép các loại, kinh doanh thương mại mua bán phục vụ sản xuất, đại lý ký gửi các loại hàng hóa.

Vào năm 1999, khi ở Việt Nam bắt đầu xuất hiện những cơ sở sản xuất ống thép thì Hữu Liên Á Châu đã trở thành Doanh nghiệp đầu tiên có thể sản xuất ống thép với quy mô công nghiệp. Ngày 20/4/2001 mang một dấu ấn đặc biệt trong quá trình phát triển của Hữu Liên Á Châu khi Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với trụ sở chính đặt tại KE A2/7 Tân Kiên-Bình Lợi, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM (theo Giấy CNĐKKD số 4103000385 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh với vốn điều lệ là 5 tỷ đồng và 9 cổ đông sáng lập).

Cho đến thời điểm hiện nay, ống thép là sản phẩm chủ lực của công ty Hữu Liên Á Châu với doanh thu và sản lượng hàng năm của ngành hàng ống chiếm trên 2/3 tổng doanh thu của nhà máy. Sản phẩm ống thép của Công ty phong phú với các sản phẩm như ống thép tròn, ống oval, ống chữ D, ống vuông. Độ dày thành ống hiện nay của Công ty sản xuất cũng rất đa dạng, từ 0,7 mm đến 3,5 mm với nhiều quy cách khác nhau tương ứng với các nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Năm 2002, Công ty tăng vốn điều lệ lên 30 tỷ đồng. Năm 2003, Công ty nâng mức vốn lên 60 tỷ đồng. Đến năm 2004, vốn điều lệ Công ty đã đạt mức 100 tỷ đồng và năm 2006, để đáp ứng nhu cầu thị trường và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, vốn điều lệ Công ty được nâng lên đến 140 tỷ đồng. Quá trình xây dựng thương hiệu Hữu Liên được ghi nhận sau hơn 30 năm phát triển. Hữu Liên trở thành thương hiệu có tên tuổi không những trong thị trường Việt Nam mà còn xuất khẩu sang một số các nước như Campuchia, Úc, Đông Âu,...

Sản phẩm ống thép Hữu Liên xuất hiện trên danh mục sản phẩm công nghiệp chủ lực của thành phố Hồ Chí Minh trong cả hai giai đoạn: năm 2001 đến năm 2005 và năm 2006 đến năm 2009

>> Các cột mốc phát triển:

- **2012** Ra mắt sản phẩm mới Ống thép hàn - Loại dây Hữu Liên Á Châu
- **2011** Hoàn thành giai đoạn 1 quá trình "Tái cấu trúc doanh nghiệp"
- **2010**
 - Hoàn thành xây dựng giai đoạn 1 của nhà máy ống Thép Hữu Liên tại Long An
 - Hoàn tất quy hoạch chi tiết 1/500 Khu phức hợp Dân cư, Thương mại Hữu Liên Á Châu tại quận Bình Tân
- **2009**
 - Thành lập Công ty TNHH Một thành viên Thép Hữu Liên, chuyên sản xuất và kinh doanh ống thép (cả ống thép dân dụng lẫn công nghiệp)
 - Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu tăng vốn điều lệ lên 328 tỷ đồng
- **2008**
 - Công ty Hữu Liên Á Châu được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) và nhận giải Sao Vàng Đất Việt
 - Mở rộng sản phẩm: đưa ra thị trường sản phẩm ống thép mạ kẽm
 - **Thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Hữu Liên** chuyên hoạt động trong lĩnh vực bất động sản và đầu tư tài chính
- **2007**
 - Mở rộng hoạt động kinh doanh
 - **Thành lập Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên**, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nội thất và sản phẩm ứng dụng từ ống thép
- **2001** **Thành lập Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu**
- **1995**
1996 Xây dựng và đưa vào hoạt động dự án sản xuất ống thép tại làng Tân Kiên, Quận Bình Chánh, TP. HCM
- **1990**
1992 Chính thức đổi tên Doanh nghiệp Tư nhân Hữu Liên
- **1988** Thành lập Xí nghiệp Tư nhân Hữu Liên
- **1980**
1986 Xí nghiệp Tư doanh Hữu Liên
- **1978** Hữu Liên khởi đầu là một xưởng nhỏ chuyên sản xuất nan hoa xe đạp

>> Văn hóa doanh nghiệp:

Với quá trình hình thành và phát triển hơn 35 năm, văn hóa doanh nghiệp của Hữu Liên Á Châu luôn mang nét riêng không thể nhầm lẫn, bởi nhiều truyền thống và giá trị tốt đẹp đã được hình thành trong suốt thời gian này, tạo nên bản sắc Hữu Liên - thể hiện qua từng con người, từng gốc cây, ngọn cỏ, mảnh đất... tất cả đều mang trên mình một câu chuyện, một nét đẹp góp phần vào những giá trị bền vững trong từng giai đoạn phát triển của Hữu Liên Á Châu.

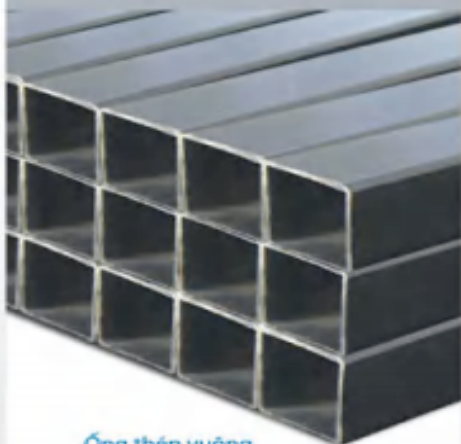
Văn hóa Hữu Liên trước hết là sự tin tưởng, gắn bó, hợp tác, hỗ trợ nhau vì hiệu quả của công việc.. Hữu liên Á Châu luôn mong muốn tạo ra một môi trường làm việc thân thiện nhưng cũng giàu sức cạnh tranh nhất cho nhân viên, luôn tạo điều kiện cho mọi người phát triển năng lực, sự nghiệp của mình cùng với sự phát triển của công ty.

Bên cạnh đó các hoạt động thể thao, văn hóa, văn nghệ cũng được thường xuyên tổ chức tại công ty nhằm mang đến đời sống tinh thần phong phú hơn, tạo được sự hứng khởi cho CBCNV trong quá trình làm việc

>> Sản phẩm :

Nổi tiếng nhờ sản phẩm chất lượng và uy tín trong kinh doanh hơn 35 năm trên thị trường, Hữu Liên Á Châu hiện có các sản phẩm sau:

Ống Thép



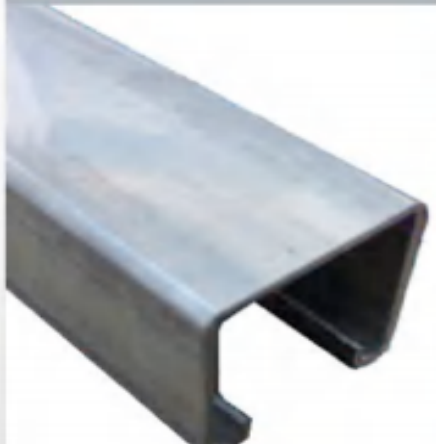
Ống thép vuông



Ống thép tròn

. Ống thép Hữu Liên có các loại: Ống thép cán nóng, Ống thép cán nguội, Ống thép mạ kẽm, với đầy đủ quy cách ống tròn, vuông, chữ nhật, oval. Bề dày từ 0.7mm đến 3.0mm.

Xà Gồ

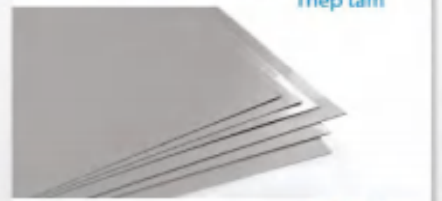


. Xà gồ có các độ dày: 1,5 ly – 3ly, nhỏ nhất từ 40mm x 80mm cho đến lớn nhất là 300mm x 75mm.

Thép tấm, thép cuộn



Thép tấm



Thép lá



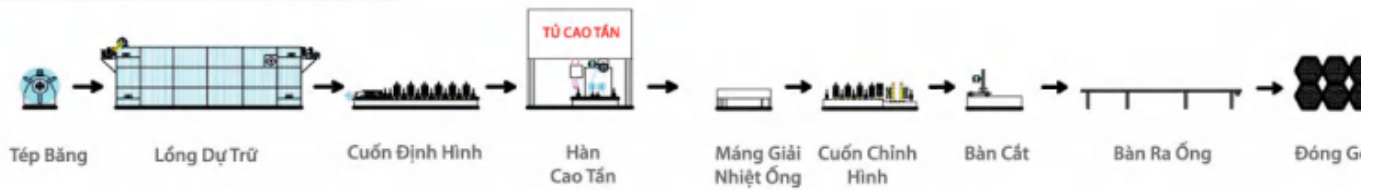
Thép cuộn



Thép băng

. Hữu Liên cũng sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm: Thép cuộn, thép băng, thép tấm, thép lá.

QUY TRÌNH SẢN XUẤT



Sản phẩm ống thép Hữu Liên được sản xuất theo quy trình ISO9001 đảm bảo chất lượng và uy tín trên toàn quốc.

Thông qua hệ thống quản lý chất lượng ISO, dây chuyền công nghệ hiện đại và đội ngũ công nhân có tay nghề cao, Hữu Liên Á Châu cam kết mang đến cho khách hàng, những sản phẩm chất lượng tốt nhất, đúng và đạt tiêu chuẩn quy định của Việt Nam và Quốc Tế:

- Sản phẩm của Hữu Liên có màu sắc đồng đều, đường nét, góc cạnh thẳng, sắc sảo, vuông vức hoặc tròn đều.
- Sai số kích thước ống 0.2mm, đúng bề dày, đúng trọng lượng, đúng theo tiêu chuẩn công bố, sai số trong phạm vi $\pm 5\%$
- Luôn có in tên logo thương hiệu cùng quy cách sản phẩm trên thân ống. Độ co giãn, bẻ uốn rất tốt trong các ứng dụng sản xuất các sản phẩm đòi hỏi tính mỹ thuật, kỹ thuật, chính xác cao.
- Sản phẩm khi xuất xưởng luôn có giấy chứng nhận xuất xưởng của công ty đính kèm, đó là cơ sở bảo chứng uy tín của các nhà thầu sử dụng đúng sản phẩm của Hữu Liên Á Châu cũng như chất lượng công trình khi sử dụng sản phẩm thương hiệu chất lượng.
- Sản phẩm được chỉ định trong các công trình trọng điểm quốc gia như Cảng Chân Mây, Sân bay, Kênh Nhiều Lọc, Cầu Rạch Chiểu...

Với lợi thế là một thương hiệu hàng đầu, Hữu Liên Á Châu luôn đảm bảo nguồn hàng cung ứng liên tục, đa dạng, đáp ứng tốt nhất tất cả các yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và tận tâm.

Sản phẩm của Hữu Liên Á Châu hiện đã được xuất khẩu sang các quốc gia: Mỹ, Úc, Myanmar, Singapore, Philippines, Campuchia, Lào...

>> Sứ mệnh và tầm nhìn

SỨ MỆNH:

Mang đến sự hài lòng cho các đối tác, cộng sự với sự trân trọng của tình bằng hữu thông qua việc thực hiện những cam kết trong kinh doanh.

TẦM NHÌN:

Gia nhập hàng ngũ 100 thương hiệu hàng đầu thế giới và trở thành tập đoàn kinh doanh chuyên ngành thép hàng đầu tại Việt Nam

>> Giá trị cốt lõi:

GIÁ TRỊ CỐT LÕI:

Hài lòng đối tác :

- Tôn trọng và hợp tác đôi bên cùng có lợi
- Chăm sóc và đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng

Giữ Gìn uy tín:

- Trung thực và giữ lời hứa với khách hàng

Tinh thần đồng đội:

- Trách nhiệm, hỗ trợ và cởi mở trong quan hệ với đồng nghiệp

Hiệu quả công việc:

- Lấy hiệu quả công việc làm thước đo trong mọi hoạt động.

>> Triết lý kinh doanh

TRIẾT LÝ KINH DOANH:

Mỗi khách hàng, mỗi cộng sự là một bằng hữu; và mỗi sản phẩm là một lời cam kết giá trị, Công Ty CP Hữu Liên Á Châu luôn tiếp tục phát huy nội lực, và vị thế hiện tại để giữ vững cam kết và làm hài lòng các bằng hữu của mình.

>> Định hướng phát triển:

Hiện nay Thương hiệu Ống thép Hữu Liên đã nổi tiếng trên thị trường nội địa, cần đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, mở rộng thị phần ở thị trường nước ngoài để tăng sản lượng, doanh thu, nhất là ở các thị trường mới phát triển để chiếm vị thế tiên phong.

Bên cạnh đó, trong nước, cần tập trung ổn định hoạt động sản xuất, chú trọng chất lượng, giữ vững thị phần và vị thế thương hiệu. Phát triển hoạt động mua bán các sản phẩm thương mại để tối ưu hóa quy trình sản xuất và đưa sản phẩm ra thị trường.

2. Các mục tiêu của giai đoạn 2015-2019 :

ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH:

- Hữu Liên Á Châu nằm trong nhóm 10 thương hiệu hàng đầu của ngành thép Việt Nam
- Gia tăng sản lượng sản xuất nhằm đưa Hữu Liên Á Châu là thương hiệu dẫn đầu trong phân khúc thị trường ống thép.
- Mở rộng thị phần xuất khẩu sang các nước khu vực Đông Nam Á (Lào, Campuchia, Myanmar...) và các nước thuộc khu vực khác.
- Tập trung phát triển các dòng sản phẩm ống thép mạ kẽm và ống thép áp lực.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẾN 2019:

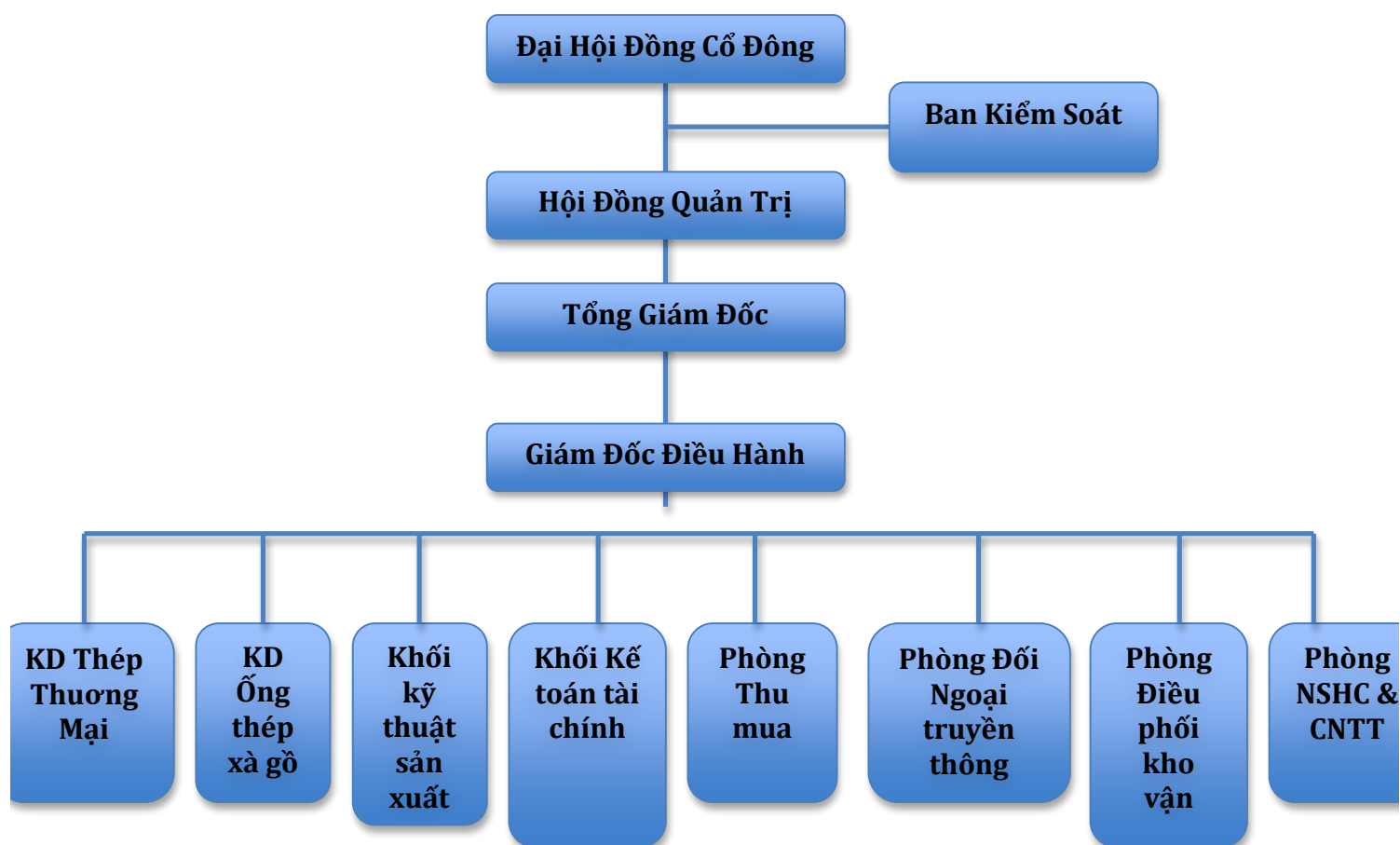
Căn cứ vào những nhận định về tình hình kinh tế, Hội đồng Quản trị đã đề ra kế hoạch kinh doanh đến năm 2019 cụ thể như :

(ĐVT: tỷ đồng)

| CHỈ TIÊU | NĂM 2015 | NĂM 2016 | NĂM 2017 | NĂM 2018 | NĂM 2019 |
|--------------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Doanh thu thuần | 3.000,00 | 3.300,00 | 3.700,00 | 4.000,00 | 4.400,00 |
| Lợi nhuận sau thuế | 0,00 | 20,00 | 30,00 | 40,00 | 50,00 |
| Chia cổ tức | 0% | 0% | 0% | 0% | 0% |

II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức :



>> Đại Hội Đồng Cổ Đông:

- Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, quyết định những vấn đề thuộc quyền và nhiệm vụ được luật pháp và điều lệ công ty quy định.

>> Hội Đồng Quản Trị:

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị công ty có 5 thành viên và có nhiệm kỳ là 5 năm.

>> Ban Kiểm Soát:

- Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát trong việc quản lý điều hành công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Ban kiểm soát có 3 thành viên và có nhiệm kỳ tương ứng theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

>> Ban Giám Đốc:

- Bao gồm Giám Đốc và Phó Giám Đốc

- Giám Đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về quản lý và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

>> Khối Kinh doanh:

- Xây dựng và phát triển hệ thống kinh doanh các sản phẩm
- Duy trì và phát triển thị trường xuất khẩu, góp phần xây dựng và khẳng định thương hiệu sản phẩm của Công ty.
- Thực hiện các chiến lược tiêu thụ sản phẩm, chính sách giá cả, nhằm đạt mục tiêu của Ban giám đốc đề ra.

>> Khối sản xuất kỹ thuật:

- Lập kế hoạch, tổ chức triển khai sản xuất đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Công ty trong từng thời điểm nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.
- Bảo đảm quá trình sản xuất nằm trong kiểm soát của hệ thống quản lý chất lượng.
- Bảo đảm chất lượng sản phẩm sản xuất ra đạt tiêu chuẩn.
- Đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng hoạt động tốt và đem lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty.
- Đề xuất ý kiến với Ban Giám đốc về các biện pháp cải tiến hệ thống quản lý chất lượng để nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Thiết kế sản phẩm theo yêu cầu khách hàng, chế tạo, phát triển sản phẩm
- Thiết kế các công cụ, khuôn gá phục vụ cho hoạt động sản xuất.
- Giám sát và điều hành thực hiện nội quy an toàn lao động, biên chế cấp bậc kỹ thuật.

>> Khối Tài chính – Kế toán:

- Các công việc liên quan đến công tác tính giá thành, hạch toán, phân bổ các chi phí; thực hiện các chức năng quản lý tài chính kế toán theo qui định; thiết lập và lưu giữ hồ sơ; cung cấp số liệu cho các bộ phận và các cơ quan chức năng.

>> Phòng Nhân sự hành chính & Công nghệ thông tin:

- Giải quyết các vấn đề về nhân sự, tuyển dụng, đào tạo phát triển nhân viên; phụ trách lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội cho công nhân viên Công ty. Quản lý công tác hành chính, văn thư lưu trữ.

>> Phòng Thu mua:

- Chịu trách nhiệm tìm kiếm, thu mua các nguyên vật liệu, vật tư cần thiết một cách hiệu quả nhất, đáp ứng nhu cầu phát sinh thực tế của các phòng ban, bộ phận trong công ty.
- Thực hiện các thủ tục, công tác liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu Công ty.

>> Phòng Đối ngoại Truyền :

- Chịu trách nhiệm đối ngoại, và truyền thông nội bộ, quản lý thương hiệu, quản lý các hoạt động marketing và quan hệ cổ đông của công ty.

2. Ban Quản trị Công ty :

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN XẢO CƠ
Chủ tịch



TRẦN TUẤN NGHIỆP
Phó Chủ tịch



BÙI QUANG HIỆP
Thành viên



ĐOÀN MINH TIẾN
Thành viên



PHAN VĂN DŨNG
Thành viên

Hội đồng quản trị của Công ty CP Hữu Liên Á Châu hiện nay có 5 thành viên và có nhiệm kỳ là 5 năm bao gồm 1 chủ tịch, 1 phó chủ tịch và 3 thành viên HĐQT.

BAN KIỂM SOÁT



KHƯU KIM HÒA
Trưởng Ban Kiểm Soát



LÊ ANH HẢI
Thành viên



NGUYỄN THỊ HOÀNG VÂN
Thành viên

Ban kiểm soát của Công ty CP Hữu Liên Á Châu hiện có 3 thành viên, 1 trưởng ban và 2 thành viên.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



-
1. Ông Trần Tuấn Nghiệp: Tổng Giám Đốc
 2. Ông Bùi Quang Hiệp: Giám Đốc Điều Hành
 3. Ông Trần Tuấn Minh: Giám Đốc Kỹ Thuật
 4. Ông Phạm Trần Ái Trung: Giám Đốc Tài Chính

3. Số lượng nhân viên và chính sách với người lao động

>> Số lượng lao động:

Tính đến 30/09/2013, số lượng người lao động trong Công ty là 253 người, trong đó nữ chiếm 53 người.

- Mức lương bình quân:
 - . Năm 2012 là 7.237.000 đồng/ tháng.
 - . Năm 2013 là 7.300.000 đồng/ tháng.
- Cơ cấu lao động của Công ty được phân như sau:
 - . Đại học và trên đại học : 39 lao động
 - . Trung cấp nghề, cao đẳng : 121 lao động
 - . Lao động phổ thông : 93 lao động

>> Chính sách với người lao động:

B.1. Chính sách lương và phụ cấp:

- Công ty xây dựng chính sách tiền lương đồng bộ thống nhất, tiền lương được trả đúng căn cứ trên mức độ lao động và tính chất công việc, mức đóng góp của người lao động. Chính sách tiền lương của Công ty như sau:
 - > Lương tháng của cán bộ nhân viên được trả căn cứ theo bảng lương của Công ty và các chế độ khác theo qui định của Luật Lao động.
 - > Cán bộ nhân viên có thể được điều động làm thêm giờ. Cách tính lương thêm giờ và tổng giờ làm thêm trong tháng được thực hiện đúng theo Luật lao động Việt Nam.
 - > Chế độ nâng bậc lương: Công ty xét duyệt, điều chỉnh lương và tiền công được tiến hành vào tháng 3 hàng năm dựa trên các yếu tố và điều kiện xét duyệt nâng lương. Ngoài ra, Công ty có chế độ phụ cấp: phụ cấp chức vụ; phụ cấp độc hại đối với công nhân làm ở bộ phận sản xuất có tính độc hại; trợ cấp tiền cơm, ...

B.2. Chính sách khen thưởng:

- Công ty có chính sách thưởng để khuyến khích người lao động hăng hái tham gia sản xuất, cải tiến kỹ thuật mang lại lợi nhuận, đóng góp vào sự phát triển của Công ty. Các hình thức thưởng của Công ty bao gồm: lương tháng 13, thưởng vượt mức sản lượng, thưởng cải tiến kỹ thuật....

B.3. Bảo hiểm và phúc lợi

- Công ty đảm bảo đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quyền lợi khác của nhân viên theo luật định.
- Làm việc tại Hữu Liên Á Châu, người lao động luôn nhận được sự quan tâm chia sẻ vì không đơn thuần là lương, là nghề nghiệp, mà còn có cơ hội học tập, đào tạo và phúc lợi cho chính gia đình người lao động.

B.4. Chính sách đào tạo:

- Công ty mong muốn xây dựng một hệ thống quản lý chuyên nghiệp theo thông lệ quản trị tốt nhất nên công tác đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức cho người lao động là hết sức cần thiết.
- Đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên có thể được tiến hành theo các hình thức sau:
 - Đào tạo nội bộ thông qua việc mời các chuyên gia đến đào tạo tại Công ty hoặc gửi nhân viên Công ty dự học các khoá đào tạo tại bên ngoài.

- Thường xuyên mở các lớp về an toàn lao động, tay nghề nhằm tạo dựng môi trường làm việc lý tưởng cho người lao động.
- Hướng người lao động đến việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp có tác động tích cực đến hoạt động của công ty.

B.5. Chế độ nghỉ phép, lễ, tết: Công ty thực hiện theo luật định.

B.6. Tổ chức Công Đoàn

- Công đoàn Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Công đoàn và các luật liên quan khác.

B.7. Chính sách nhân sự:

- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện
- Chú trọng đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ nhân viên
- Thu hút nhân tài
- Chính sách thu nhập cạnh tranh
- Khen thưởng công bằng

4. Công ty thành viên & liên kết:

>> Công ty CP Minh Hữu Liên:

- Địa chỉ trụ sở chính: R1-49 P Hưng Phước 4, PMH Bùi Bằng Đoàn, P.Tân Phong, Q7, HCM
- GPĐKKD: Số 4103007675 Sở KH & Đầu Tư TpHCM cấp ngày 30/8/2007.
- Vốn điều lệ: 39,7635 tỷ đồng
- Vốn góp của HLA: 30,68%
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn Minh – GD Công Ty.
- Website chính thức: www.minghuulien.com

>> Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên:

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô B15-B21 KCN Phú An Thạnh Đường tỉnh 830, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An
- GPĐKKD: Số 1101117327
- Vốn điều lệ: 100 tỷ đồng
- Vốn góp của HLA: 100%
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quang Hiệp – GD Công Ty

III.ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2013 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG 2014

1. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KD NĂM 2013

Theo nhận định của Công ty nói riêng và các chuyên gia kinh tế nói chung, tình hình kinh tế Việt Nam nửa cuối năm 2013 sẽ tốt hơn, vì vậy doanh nghiệp hiện thực hóa lợi nhuận ở các mặt hàng có lợi nhuận biên cao trong 9 tháng đầu năm.

Tuy nhiên, thực tế không như nhận định, nền kinh tế vẫn chưa có tín hiệu khả quan, Bình thường các năm, thì cuối năm là thời điểm giá cả có xu hướng tăng, nhu cầu mua tăng, nhưng trong năm nay, kinh tế toàn cầu suy thoái, thị trường nội địa sụt giảm, Các ngành bất động sản, xây dựng, trang trí nội thất, xe máy, vận tải biển...là các ngành sử

dụng đầu ra sản phẩm của HLA đều bị ảnh hưởng nặng nề. Song song đó là sự cạnh tranh sinh tồn khốc liệt trên thị trường thép, giá giảm, dẫn đến giảm sản lượng, doanh thu giảm.

Bên cạnh đó, biến động giá nguyên liệu phức tạp hơn hẳn các năm, thay vì đến chu kỳ tăng giá phục vụ nhu cầu cuối năm, nhưng năm nay giá biến động càng đi về gần cuối năm càng giảm, giá nguyên liệu bình quân Quý III/2013 là 13,857,000 đ/tấn đến Quý IV/2013 là 11,953,000 đ/tấn, nên xuất hiện lỗ do mua giá cao, bán giá thấp đây là một trong những nguyên nhân lớn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Đồng thời, cán cân nợ quá lớn, trong tình hình kinh tế hiện nay, lợi nhuận doanh nghiệp bị giảm sút ảnh hưởng đến vòng quay của dòng tiền, doanh nghiệp phải chấp nhận luân chuyển nhanh hàng hóa, xử lý hàng tồn kho để giải quyết chi phí tài chính, đảm bảo vòng quay tín dụng.

| STT | CHỈ TIÊU | KẾ HOẠCH NĂM 2013 | THỰC HIỆN NĂM 2013 | TH 2013 / KH 2013 |
|-----|------------------------------|-------------------|--------------------|-------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 3.520,00 | 4.065,25 | 115% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 34,50 | (235,74) | (683%) |
| 3 | Kế hoạch phân phối lợi nhuận | | | |
| | Chi cổ tức bằng tiền mặt | 31,02 | - | 0% |
| | Quỹ khen thưởng | 1,38 | - | 0% |
| | Quỹ phúc lợi | 1,38 | - | 0% |
| | Thưởng cho HĐQT | | | |
| | Quỹ phát triển sản xuất | | | |
| | Quỹ dự phòng tài chính | 0,72 | - | 0% |

2. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2014

Triển khai các hoạt động tái cấu trúc triệt để hướng tới hoạt động kinh doanh 2014 hiệu quả hơn bằng các biện pháp sau:

1. Tái cơ cấu công ty nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tinh giảm bộ máy gián tiếp
- Cải tiến kỹ thuật ở khâu sản xuất
- Tích cực cải tiến qui trình bán hàng, điều chỉnh giảm các khoản công nợ tránh đọng vốn ở khâu kinh doanh.
- Tối ưu hóa hàng tồn kho.

2. Gián tiếp giảm chi phí tài chính:

- Dự báo năm 2014 tiếp tục khó khăn, vì vậy mục tiêu của doanh nghiệp là duy trì khoản thu nhập để trả chi phí tài chính, qua đó tạo ra khoản thu nhập tích lũy. Những năm vừa qua, đồng vốn vay nằm trong các khoản đầu tư cố định nhiều, chúng tôi không thể giảm vốn vay để giảm chi phí tài chính, vì sẽ ảnh hưởng đến dòng vốn lưu động, mà chi phí tài chính chỉ có thể giảm gián tiếp thông qua việc tập trung đẩy mạnh sản lượng tăng lên, nhằm sử dụng đồng vốn vay hiệu quả hơn.

3. Tăng sản lượng:

- Tăng sản lượng bằng cách tiết giảm vốn nằm trong qui trình sản xuất
 - Cơ cấu lại dòng sản phẩm sinh lời cao, đáp ứng nhu cầu thị trường hiện nay.
 - Tăng vòng quay vốn bằng cách tăng vòng quay sản xuất.
 - Giữ vững thị trường xuất khẩu chiến lược của công ty, cũng như thị trường nội địa.
- 4. Thoái vốn khỏi các công ty con và công ty liên kết:**
- Doanh nghiệp xác định thời điểm này không thích hợp để duy trì các khoản đầu tư vượt quá khả năng doanh nghiệp, mà cần tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính, cốt lõi để vực dậy công ty trong giai đoạn suy thoái hiện nay.

3. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VÀ LỢI NHUẬN NĂM 2014 NHƯ SAU:

| STT | CHỈ TIÊU | KẾ HOẠCH NĂM 2014 |
|-----|------------------------------|-------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 3.000,00 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 0,00 |
| 3 | Nộp ngân sách nhà nước | 0,00 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 0,00 |
| 5 | Kế hoạch phân phối lợi nhuận | |
| | Chi cổ tức bằng tiền mặt | |
| | Quỹ khen thưởng | |
| | Quỹ phúc lợi | |
| | Thưởng cho HĐQT | |
| | Quỹ phát triển sản xuất | |
| | Quỹ dự phòng tài chính | |

IV. BÁO CÁO HĐQT & BGD VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2013

1. Báo cáo Hội Đồng Quản Trị về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2013

>> PHẦN 1: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2013 (THỰC HIỆN THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2013)

Năm 2013, tình hình kinh tế thế giới vẫn còn nhiều bất ổn và biến động phức tạp. Kinh tế của Châu Âu vẫn còn mờ nhạt và tác động không nhỏ đến sản xuất trong nước ta. Bên cạnh đó, các yếu tố nội tại cũng chưa được giải quyết triệt để như hàng tồn kho ở mức cao, sức mua yếu, nợ xấu ngân hàng đáng lo ngại, nhiều doanh nghiệp thu hẹp sản xuất, dừng hoạt động hoặc giải thể...

Các doanh nghiệp ngành Thép trong năm 2013 đều bị ảnh hưởng nặng nề từ sự bất ổn của nền kinh tế trong nước, nhu cầu tiêu thụ thép trong nước rất thấp; Các doanh nghiệp ngành thép cạnh tranh gay gắt về thị trường, về giá bán nên dẫn đến thị trường thép trong nước đầy bất ổn. Bên cạnh đó trong năm 2013 nhiều doanh nghiệp thép hoạt động kinh doanh không hiệu quả, do phải sản xuất cầm chừng để duy trì hoạt động, nhằm củng cố nội lực vượt qua khó khăn.

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Ban Giám đốc để thực hiện các giải pháp nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời tập

trung cũng cố thị phần trong nước và xuất khẩu để Công ty CP Hữu Liên Á Châu vượt qua giai đoạn khó khăn.

Căn cứ vào nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, Hội đồng quản trị xin báo cáo việc triển khai và thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như sau:

1. Trong năm qua công tác “Tái cấu trúc lại hoạt động của Công ty” đã được Ban Giám đốc triển khai phối hợp chặt chẽ với các phòng ban của Công ty. Đồng thời tuân thủ việc thực hiện các mục tiêu ưu tiên mà kế hoạch đã đề ra, kiểm soát các quy định nội bộ về quản trị rủi ro hoạt động, rủi ro tài chính và rủi ro thị trường nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ở mức độ cho phép.
2. Đã tạm ngừng công tác di dời nhà máy tại khu dân cư Quận Bình Tân xuống KCN Phú An Thạnh, Bến Lức, Long An.
3. Ngừng xây dựng giai đoạn 2 nhà máy tại KCN Phú An Thạnh, Bến Lức, Long An.
4. Trong năm qua, HĐQT và Ban Giám đốc của Công ty đã chủ động tìm kiếm và mời chào các Nhà đầu tư cho khu phức hợp Hữu Liên Á Châu, nhưng do tình hình bất động sản đang trong giai đoạn vô cùng khó khăn, nên đến nay vẫn chưa chọn được Nhà đầu tư có tiềm lực tốt cho khu phức hợp này.
5. Trong năm 2013, tình hình kinh tế Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn, thị trường tín dụng trong nước vẫn duy trì thắt chặt, thị trường tài chính trong nước chưa có dấu hiệu phục hồi. Chính sự bất ổn của nền kinh tế đã ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch tìm kiếm nguồn vốn nhằm bổ sung khoảng 300 tỷ đồng vào nguồn vốn lưu động của Công ty để khắc phục tình trạng mất cân đối nguồn vốn hoạt động trong hiện tại
6. Kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2013 (giai đoạn từ 01/10/2012 đến 30/9/2013)

ĐVT: Tỷ VNĐ

| STT | CHỈ TIÊU | KẾ HOẠCH NĂM 2013 | THỰC HIỆN NĂM 2013 | TH 2013 / KH 2013 |
|-----|--------------------|-------------------|--------------------|-------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 3.520,00 | 4.065,25 | 115% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 34,50 | (235,74) | (683%) |

>> PHẦN 2: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2014 (GIAI ĐOẠN 01/10/2013 ĐẾN 30/9/2014):

Năm 2014 nền kinh tế Việt Nam được đánh giá triển vọng và khả quan hơn năm 2013, song vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, do các khó khăn của năm 2013 vẫn chưa được giải quyết và có khả năng vẫn tiếp tục kéo dài trong năm tới, thậm chí có thể chi phối những năm kế tiếp. Do đó, năm 2014 được nhận định là năm kinh tế Việt Nam đứng trước nhiều cơ hội, thách thức đan xen. Đối với ngành Thép trong nước thì năm 2014 được dự báo là năm vẫn còn nhiều khó khăn và đầy thách thức lớn, do bị ảnh hưởng bởi sự cạnh tranh trực tiếp từ thị trường Thép của Trung Quốc.

Trước nhận định về nền kinh tế Việt Nam như trên, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Hữu Liên Á Châu vẫn chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các tác động của nền kinh tế Việt Nam, cụ thể:

- Các yếu tố liên quan đến sức tiêu thụ của thị trường, tình hình lạm phát, bất ổn tỷ giá ngoại tệ cũng là yếu tố làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Công ty.

- Ngoài ra các yếu tố đầu vào của giá thành đang có khuynh hướng tăng: giá điện, giá nước, giá xăng dầu, chi phí tiền lương... làm ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản xuất của Công ty.

Căn cứ vào đánh giá tình hình nêu trên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã thận trọng đề ra phương hướng và nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính 2014 (giai đoạn 01/10/2013 đến 30/9/2014) như sau:

1. Thoái vốn khỏi công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên.
2. Tiếp tục duy trì thực hiện công tác “Tái cấu trúc lại hoạt động Công ty” trong năm tài chính 2014.
3. Tạm ngừng công tác tìm kiếm và mời chào các Nhà đầu tư có tiềm lực tốt cho khu phức hợp Hữu Liên Á Châu.
4. Tiếp tục triển khai kế hoạch huy động vốn (thông qua các hình thức phù hợp như phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu) nhằm bổ sung khoảng 300 tỷ đồng vào nguồn vốn lưu động năm 2014 của Công ty để khắc phục tình trạng mất cân đối nguồn vốn hoạt động và giảm bớt chi phí hoạt động tài chính
5. Kế hoạch kinh doanh và Lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2014 (giai đoạn 01/10/2013 đến 30/9/2014):

ĐVT: Tỷ VNĐ

| STT | CHỈ TIÊU | KẾ HOẠCH NĂM 2014 |
|-----|---------------------------------------|-------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 3.000,00 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 0,00 |
| 3 | Nộp ngân sách | 0,00 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 0,00 |
| 5 | Kế hoạch phân phối lợi nhuận: | |
| 5.1 | - Trích các quỹ: không trích lập | |
| 5.2 | - Chi trả cổ tức năm 2014: không chia | |

>> PHẦN 3: CÁC BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG NĂM 2014

Căn cứ vào dự báo tình hình khó khăn và đầy thách thức của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2014. Để thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2014, Ban Giám đốc đã cẩn trọng, xây dựng và đề ra những biện pháp sau:

- Ban Giám đốc Công ty sẽ thường xuyên duy trì việc phối hợp chặt chẽ với các phòng Kiểm soát nội bộ, phòng Tài chính kế toán để thực hiện quản trị rủi ro nhằm đưa ra các giải pháp ứng phó kịp thời.
- Tập trung vào kiểm soát các rủi ro về qui trình hoạt động, rủi ro về tài chính, rủi ro về thị trường nhằm đảm bảo Công ty được kiểm soát chặt chẽ về tài chính, kế toán, kinh doanh để đạt được các mục tiêu đã đề ra; đạt hiệu quả, hiệu suất hoạt động; và tuân thủ các qui định pháp luật, các qui định nội bộ.
- Xây dựng các kịch bản ứng phó kịp thời với tình hình biến động về tỷ giá, về lãi suất cho vay, về giá của nguyên liệu đầu vào, khả năng thanh toán của các khách hàng, biến động của thị trường và đồng thời củng cố nội lực tài chính, xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng, nhà cung cấp và các tổ chức tín dụng của Công ty nhằm đảm bảo ổn định sản xuất kinh doanh và đạt được kết quả tối ưu nhất.

>> PHẦN 4: KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ NỘI BỘ TRONG NĂM 2014

Ban Giám đốc Công ty xây dựng các mục tiêu, các kế hoạch hành động quản trị nội bộ trong Năm tài chính 2014, cụ thể:

1. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty:

- Tập trung kiểm soát cơ cấu sản lượng của từng nhóm sản phẩm bán ra theo kế hoạch, nhằm đảm bảo đạt hiệu quả về lợi nhuận kinh doanh theo kế hoạch.
- Tập trung kiểm soát công tác cơ cấu tuổi nợ, thu hồi công nợ nhanh chóng, đúng hạn để giảm áp lực tài chính của Công ty.
- Chú trọng kiểm soát tốt công tác dự báo bán hàng để quản lý hiệu quả hàng tồn kho nhằm chủ động nguồn vốn của Công ty và hiệu quả trong việc sử dụng vốn vay tránh áp lực về chi phí tài chính.
- Quản lý hiệu quả chi phí hoạt động bằng cách tiết kiệm chi phí sản xuất, tiết kiệm chi phí phân phối và tiết kiệm chi phí nhân sự và hành chính.
- Quản lý tốt hoạt động mua hàng của Công ty bằng cách tìm nguồn cung cấp nguyên liệu và hàng hóa giá thấp và chất lượng tốt.
- Củng cố thị phần trong nước và xuất khẩu sang các nước Đông Nam Á (Lào, Myanmar, Campuchia,...).

2. Nâng cao hệ thống quản lý và nhân sự Công ty:

- Cải tiến, tiếp tục vận hành các chính sách, quy định, quy trình hoạt động của các bộ phận nhân sự, kinh doanh và tài chính.
- Đào tạo, cập nhật bồi dưỡng kiến thức và nâng tầm đội ngũ nhân sự quản lý hiện tại.
- Xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa các vị trí nhân sự chủ chốt nhằm đảm bảo tính hoạt động liên tục.

>> PHẦN 5: ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC 5 NĂM (TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2019)

Căn cứ vào những nhận định về tình hình kinh tế, Hội đồng quản trị đã đề ra phương hướng và kế hoạch phát triển của Công ty cho 5 năm tới (từ năm 2015 đến 2019), cụ thể:

1. Định hướng kinh doanh:

- Hữu Liên Á Châu nằm trong nhóm **10 thương hiệu hàng đầu của ngành thép Việt Nam**.
- Gia tăng sản lượng sản xuất nhằm đưa Hữu Liên Á Châu là **thương hiệu dẫn đầu** trong phân khúc ống thép.
- Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực của Công ty nhằm mở rộng kinh doanh trong phân khúc thị trường ống thép.
- Mở rộng thị phần xuất khẩu sang các nước khu vực Đông Nam Á (Lào, Myanmar, Campuchia,...) và các nước thuộc khu vực khác;
- Phát triển các dòng sản phẩm ống thép mạ kẽm và ống thép áp lực.

2. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh đến năm 2019:

Căn cứ vào những nhận định về tình hình kinh tế, Hội đồng quản trị đã đề ra kế hoạch kinh doanh của Công ty CP Hữu Liên Á Châu đến năm 2019, cụ thể:

ĐVT: Tỷ VNĐ

| CHỈ TIÊU | NĂM 2015 | NĂM 2016 | NĂM 2017 | NĂM 2018 | NĂM 2019 |
|----------------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Tổng doanh thu thuần | 3.000,00 | 3.300,00 | 3.700,00 | 4.000,00 | 4.400,00 |
| Lợi nhuận sau thuế | 0,00 | 20,00 | 30,00 | 40,00 | 50,00 |
| Chia cổ tức | | | | | |

2. Báo cáo Ban Giám Đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2013

>> A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM TÀI CHÍNH 2013 (GIAI ĐOẠN 01/10/2012 ĐẾN 30/9/2013)

Năm 2013, kinh tế Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn vô cùng khó khăn, thị trường hàng hóa thì đang trong giai đoạn “**giảm phát**” nặng nề, tồn kho hàng hóa vẫn ở mức cao, trong khi nhu cầu tiêu thụ ở mức thấp. Ngành thép Việt Nam trong năm có nhiều diễn biến phức tạp và đa số các doanh nghiệp ngành thép trong nước đều bị ảnh hưởng nặng nề bởi suy thoái; Các doanh nghiệp sản xuất thép chỉ hoạt động sản xuất ở mức độ cầm chừng khoảng 40 – 50% công suất để duy trì hoạt động và cố gắng vượt qua giai đoạn khó khăn;

Sau đây là kết quả hoạt động của năm tài chính 2013 của Công ty CP Hữu Liên Á Châu:

ĐVT: Tỷ VNĐ

| STT | CHỈ TIÊU | KẾ HOẠCH NĂM 2013 | THỰC HIỆN NĂM 2013 | THỰC HIỆN / KẾ HOẠCH |
|-----|--------------------|-------------------|--------------------|----------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 3.520,00 | 4.065,25 | 115% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 34,50 | (235,74) | (683%) |

>> B. CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2013:

Trong năm 2013, Ban Giám đốc và toàn thể nhân viên Công ty CP Hữu Liên Á Châu đã triển khai các giải pháp quản trị nhằm tối ưu hóa hoạt động sản xuất kinh doanh; kiểm soát và tiết giảm chi phí, phát triển nguồn nhân lực, cụ thể:

- Thực hiện tốt công tác đào tạo để nâng tầm đội ngũ nhân sự quản lý hiện tại.
- Kiểm soát và quản lý hiệu quả chi phí hoạt động thông qua việc tiết kiệm chi phí sản xuất, tiết kiệm chi phí phân phối và cắt giảm tối đa chi phí nhân sự hành chính so với kế hoạch đã đề ra.
- Duy trì tốt hoạt động của chương trình “Sức khỏe hệ thống đánh giá, đo lường sức khỏe của hệ thống phân phối” và “chương trình 5S” cho toàn Công ty.
- Năm 2013 Công ty đã tập trung cố gắng giữ thị phần bán hàng trong nước và củng cố thị phần xuất khẩu các sản phẩm thép.

>> C. ĐỊNH HƯỚNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM TÀI CHÍNH 2014 (GIAI ĐOẠN TỪ 01/10/2013 ĐẾN 30/9/2014):

Năm 2014 được dự báo là một năm đầy triển vọng, và cũng đầy thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam. Và cũng được dự báo sẽ tiếp tục là năm khó khăn của ngành Thép Việt Nam. Căn cứ vào năng lực sản xuất và năng lực kinh doanh của Công ty CP Hữu Liên Á Châu, Ban Giám đốc Công ty đã thận trọng xem xét các cơ hội; các yếu tố rủi ro trong việc xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính 2014 như sau:

1. Về kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2014 (giai đoạn từ 01/10/2013 đến 30/09/2014):

ĐVT: Tỷ VNĐ

| STT | CHỈ TIÊU | KẾ HOẠCH NĂM 2014 |
|-----|---------------------------------------|-------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 3.000,00 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 0,00 |
| 3 | Nộp ngân sách | 0,00 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 0,00 |
| 5 | Kế hoạch phân phối lợi nhuận: | |
| 5.1 | - Trích các quỹ: không trích lập | |
| 5.2 | - Chi trả cổ tức năm 2014: không chia | |

2. Kế hoạch hành động và giải pháp cần thiết để hoàn thành các mục tiêu đề ra trong năm tài chính 2014, như sau:

a. Tiếp tục duy trì hiệu quả hoạt động của Công ty, cụ thể:

- Tập trung kiểm soát hệ thống phân phối và cấu trúc các dòng sản phẩm chủ lực bán ra đúng tỷ trọng kế hoạch đã xây dựng; nhằm đảm bảo đạt hiệu quả về lợi nhuận kinh doanh.
- Tập trung quản lý hiệu quả chi phí tài chính bằng cách thu hồi công nợ nhanh chóng, đúng hạn để đảm bảo dòng tiền ổn định và giảm áp lực tài chính của Công ty.
- Tập trung quản lý hiệu quả chi phí hoạt động bằng cách tiết kiệm chi phí sản xuất, tiết kiệm chi phí phân phối & tiết kiệm chi phí nhân sự hành chính tối đa.
- Tập trung quản lý tốt các hoạt động mua hàng của Công ty bằng cách tìm nguồn cung cấp nguyên liệu, hàng hóa giá thấp và chất lượng.
- Củng cố các thị phần bán hàng trong và ngoài nước.

b. Cải tiến hệ thống quản lý và nhân sự Công ty:

- Tiếp tục vận hành và cải tiến các chính sách, quy định, quy trình hoạt động của các bộ phận nhân sự, kinh doanh, cung ứng và tài chính... nhằm quản lý Công ty hiệu quả và chuyên nghiệp.
- Định kỳ hàng quý tổ chức đào tạo để nâng tầm đội ngũ nhân sự quản lý hiện tại.

VI. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều lệ của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu. Định kỳ, Ban kiểm soát đã tiến hành giám sát quá trình hoạt động của Công ty trong năm qua với các nội dung sau:

- Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty;
- Kết quả kiểm tra tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2013;
- Kết quả kiểm tra báo cáo tài chính năm 2013;
- Kết quả kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2013;
- Kiến nghị của Ban kiểm soát;
- Kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát trong năm 2014;

>> A. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY:

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2013 được xem là năm vô cùng khó khăn đối với doanh nghiệp ngành Thép, rất nhiều các nhà máy sản xuất thép phải cắt giảm sản lượng, sản xuất ở mức độ 50% công suất để duy trì hoạt động. Bên cạnh đó, tình trạng cung lớn hơn cầu luôn là vấn đề hóc búa, tồn tại trong một thời gian dài đối với ngành thép làm cho mức độ cạnh tranh về giá bán của ngành này khá lớn.

Ngoài ra trong năm do thị trường bất động sản vẫn còn đóng băng, đầu tư công cắt giảm khiến nhu cầu thép giảm sút mạnh. Đặc biệt, trong năm 2013, giá bán thép đã giảm xuống thấp nhất trong vòng 3 năm trở lại đây, trong khi đó giá cả nguyên liệu đầu vào cho sản xuất thép như điện, gas, xăng dầu... đều tăng khiến các doanh nghiệp gặp thêm nhiều khó khăn trong việc đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

Trước tình hình trên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc thường xuyên họp định kỳ để kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp và các giải pháp ứng phó với khó khăn để Công ty duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

Những vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị là trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Việc thảo luận và biểu quyết là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu.

Hoạt động của Ban Giám đốc:

Năm 2013, hoạt động của Công ty gặp nhiều khó khăn do chi phí đầu vào tăng cao, tín dụng thắt chặt và thị trường tiêu thụ giảm nhiều so với các năm. Ban Giám đốc với trách nhiệm trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Công ty đồng thời thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị một cách đầy đủ, kịp thời, theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ của Công ty.

Trong năm, Ban Giám đốc đã thường xuyên chỉ đạo cán bộ, công nhân viên Công ty để vượt qua khó khăn, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất, chi phí phân phối và chi phí hoạt động nhằm duy trì, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Tích cực thực hiện Công tác tái cấu trúc các dòng sản phẩm, cơ cấu tuổi nợ và cơ cấu nguồn vốn nhằm cải thiện và tiết giảm chi phí tài chính.

>> B. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2013

Kết quả kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh của năm tài chính 2013 (giai đoạn 01/10/2012 đến 30/09/2013) như sau:

Thực hiện kế hoạch Doanh thu – Lợi nhuận năm tài chính 2013:

Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Các khoản chi phí, khoản trích dự phòng và khoản nợ khó đòi được ghi nhận theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Ban kiểm soát đã làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập, qua đó thống nhất kết quả kiểm toán năm tài chính 2013 và đồng ý với các đánh giá hoạt động tài chính của Công ty đã nêu trong báo cáo kiểm toán 2013.

Ban kiểm soát xin báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch Doanh thu – Lợi nhuận của năm tài chính 2013 như sau:

ĐVT: Tỷ VNĐ

| STT | CHỈ TIÊU | KẾ HOẠCH NĂM 2013 | THỰC HIỆN NĂM 2013 | TH 2013 / KH 2013 |
|-----|--------------------|-------------------|--------------------|-------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 3.520,00 | 4.065,25 | 115% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 34,50 | (235,74) | (683%) |

Tình hình tài chính của Công ty CP Hữu Liên Á Châu tại thời điểm ngày 30/09/2013:

ĐVT: Tỷ VNĐ

| STT | CHỈ TIÊU | 30/09/2012 | 30/09/2013 | TĂNG (+) / GIẢM (-) |
|-----------|-----------------------------------|-----------------|-----------------|---------------------|
| A. | TỔNG TÀI SẢN | 2.299,14 | 2.236,12 | (63,02) |
| I. | Tài sản ngắn hạn | 1.698,62 | 1.677,16 | (21,46) |
| | <i>Trong đó:</i> | | | |
| 1. | <i>Phải thu khách hàng</i> | 976,63 | 526,42 | (450,21) |
| 2. | <i>Trả trước cho người bán</i> | 7,12 | 88,48 | 81,36 |
| 3. | <i>Hàng tồn kho</i> | 615,08 | 971,84 | 356,76 |
| II. | Tài sản dài hạn | 600,52 | 558,96 | (41,56) |
| B. | TỔNG NGUỒN VỐN | 2.299,14 | 2.236,12 | (63,02) |
| I. | Nợ phải trả | 1.809,74 | 1.983,76 | 174,02 |
| | <i>Trong đó:</i> | | | |
| 1. | <i>Nợ ngắn hạn</i> | 1.666,62 | 1.877,94 | 211,32 |
| 2. | <i>Nợ dài hạn</i> | 143,12 | 105,82 | (37,30) |
| II. | Nguồn vốn chủ sở hữu | 489,40 | 252,36 | (237,04) |
| III. | Lợi ích của cổ đông theo thiểu số | - | - | - |

Về kết quả phân phối lợi nhuận và chia cổ tức cho năm tài chính 2013:

ĐVT: Tỷ VNĐ

| STT | CHỈ TIÊU | KẾ HOẠCH | THỰC HIỆN |
|-----|---|----------|-----------|
| 1 | Lợi nhuận sau thuế | 34,50 | (235,74) |
| 2. | Kế hoạch phân phối lợi nhuận | | |
| | + Chi cổ tức bằng tiền | 31,02 | - |
| | | (# 9%) | |
| | + Trích 4% LNST lập Quỹ khen thưởng: | 1,38 | - |
| | + Trích 4% LNST lập Quỹ phúc lợi: | 1,38 | - |
| | + Phần còn lại bổ sung Quỹ dự phòng tài chính | 0,72 | - |

Về thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cho năm tài chính 2013:

Công ty đã thực hiện việc chi thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2013 cụ thể:

ĐVT: VNĐ / Năm

| CHỈ TIÊU | KẾ HOẠCH | THỰC HIỆN |
|---|----------------------|--------------------|
| Thù lao Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát | 468.000.000 | 468.000.000 |
| Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát | 532.000.000 | 23.143.995 |
| TỔNG CỘNG | 1.000.000.000 | 491.143.995 |

B. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Năm 2014, dự báo tình hình kinh tế Việt Nam có triển vọng hơn năm 2013, nhưng cũng nhiều thách thức và tiềm ẩn nhiều rủi ro, bất ổn. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp thép trong nước phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp thép của Trung Quốc.

Trên cơ sở nhận định này, Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

- Tiếp tục duy trì thực hiện công tác “Tái cấu trúc lại hoạt động Công ty”
- Củng cố thị phần bán hàng trong và ngoài nước nhằm giữ vững thương hiệu Hữu Liên Á Châu.
- Tập trung quản lý hiệu quả chi phí hoạt động bằng cách tiết kiệm chi phí sản xuất, tiết kiệm chi phí phân phối và tiết kiệm chi phí nhân sự hành chính tối đa.
- Tăng cường quản trị đầu vào giúp Công ty kiểm soát được nguồn mua nguyên liệu, chất lượng nguyên liệu để đảm bảo sản xuất và giảm tiêu hao.

C. KẾ HOẠCH LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2014:

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt các cổ đông nhằm kiểm soát tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Trong năm tài chính 2014 (niên độ kế toán từ ngày 01/10/2013 đến ngày 30/09/2014), Ban kiểm soát sẽ tiến hành các công việc cụ thể theo kế hoạch sau:

1. Quý I (từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013):

- Xem xét và kiểm tra báo cáo tài chính Quý 1 của năm tài chính 2014 (từ ngày 01/10 đến 31/12/2013).
- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 1 năm tài chính 2014.
- Kiểm tra và đánh giá các chi phí của Quý 1 năm 2014 nhằm đảm bảo các khoản chi phí sử dụng đúng mục đích và kế hoạch đề ra.

2. Quý II (từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/03/2014):

- Kiểm tra, kiểm soát tính tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, điều lệ cũng như nội quy, quy chế, quy định của Công ty.
- Xem xét và soát xét báo cáo tài chính Quý 2 năm tài chính 2014 (từ ngày 01/01/2014 đến 31/03/2014).
- Và tổng kết 6 tháng đầu năm 2014 (từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/03/2014).
- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 2 năm tài chính 2014.
- Kiểm tra và đánh giá các chi phí của Quý 2 năm tài chính 2014.

3. Quý III (từ ngày 01/04/2014 đến ngày 30/06/2014):

- Tham gia làm việc với Công ty kiểm toán độc lập trong đợt soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014 (niên độ kế toán từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/03/2014). Xem xét báo cáo soát xét, thư quản lý do Công ty kiểm toán độc lập phát hành, kiểm tra việc khắc phục các sai sót.
- Xem xét và soát xét báo cáo tài chính Quý 3 năm tài chính 2014 (từ ngày 01/04/2014 đến 30/06/2014).
- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý 3 năm tài chính 2014.
- Kiểm tra và đánh giá các chi phí của Quý 3 năm tài chính 2014.

4. Quý IV (từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/09/2014):

- Kiểm tra, kiểm soát tính tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, điều lệ cũng như nội quy, quy chế, quy định của Công ty.
- Xem xét và kiểm tra báo cáo tài chính của Quý 4 năm tài chính 2014 (từ ngày 01/07/2014 đến 30/09/2014).
- Và tổng kết năm tài chính 2014 (từ ngày 01/10/2013 đến ngày 30/09/2014).
- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Quý 4 năm tài chính 2014.
- Kiểm tra và đánh giá các mức chi phí của Quý 4 năm tài chính 2014.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013



crystallising your venture

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

*Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013*

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013



MỤC LỤC

| | Trang |
|---|--------|
| 1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị | 1 - 2 |
| 2. Báo cáo kiểm toán độc lập | 3 - 4 |
| 3. Bảng cân đối kế toán | 5 - 6 |
| 4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 7 |
| 5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 8 |
| 6. Thuyết minh báo cáo tài chính | 9 - 29 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

| Họ và tên | Chức vụ |
|-------------------------|----------------------|
| Ông Trần Xảo Cơ | Chủ tịch |
| Ông Trần Tuấn Nghiệp | Phó Chủ tịch |
| Ông Phan Văn Dũng | Thành viên |
| Ông Bùi Quang Hiệp | Thành viên |
| Ông Đoàn Minh Tiến | Thành viên |
| Ông Khuru Kim Hòa | Trưởng Ban Kiểm soát |
| Ông Lê Anh Hải | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân | Thành viên |

2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

| Họ và tên | Chức vụ |
|------------------------|---------------------|
| Ông Trần Tuấn Nghiệp | Tổng Giám đốc |
| Ông Bùi Quang Hiệp | Giám đốc Điều hành |
| Ông Trần Tuấn Minh | Giám đốc Sản xuất |
| Ông Phạm Trần Ái Trung | Giám đốc Tài chính |
| Ông Trần Ngọc Hải | Giám đốc Thương mại |
| Ông Lê Anh Hải | Giám đốc Kinh doanh |

3. Các hoạt động chính

- Sản xuất sản phẩm cơ khí. Cán kéo kim loại. Mua bán máy móc thiết bị phục vụ sản xuất - xây dựng. Mua bán nguyên liệu, vật liệu xây dựng. Mua bán hạt nhựa phân bón, hàng điện, điện tử gia dụng, bách hoá, hàng trang trí nội thất.
- Kinh doanh bất động sản. Đại lý ký gửi hàng hoá. Dịch vụ thương mại.

4. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/9/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013 được trình bày từ trang 05 đến trang 29.

5. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

7. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013.

9. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

10. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ông Trần Xảo Cơ
Chủ tịch

Số: 048a/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013
của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/9/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013, được lập ngày 28 tháng 12 năm 2013, từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính đính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu tại ngày 30/9/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài

PHỤ LỤC

chính kết thúc ngày 30/9/2013 và được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. HCM, ngày 28 tháng 12 năm 2013

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam



NGUYỄN VĂN TUYẾN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0111-2013-042-1

KIỂM TOÁN VIÊN

PHAN ĐỨC DANH

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2080-2013-042-1



CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A. Tài sản ngắn hạn | 100 | | 1.675.879.268.250 | 1.701.788.427.430 |
| <i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i> | 110 | V.01 | 58.950.972.125 | 63.582.495.100 |
| 1. Tiền | 111 | | 26.719.454.274 | 48.372.495.100 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 32.231.517.851 | 15.210.000.000 |
| <i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i> | 120 | | 1.131.800 | 2.382.200 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | 9.095.000 | 9.095.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn | 129 | | (7.963.200) | (6.712.800) |
| <i>III. Các khoản phải thu</i> | 130 | V.02 | 760.054.855.594 | 1.077.207.427.893 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 655.689.516.922 | 1.044.011.098.865 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 87.910.656.742 | 7.123.227.867 |
| 3. Các khoản phải thu khác | 135 | | 20.385.343.469 | 30.648.383.828 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | (3.930.661.539) | (4.575.282.667) |
| <i>IV. Hàng tồn kho</i> | 140 | V.03 | 854.939.640.639 | 558.891.466.649 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 954.851.020.318 | 559.739.428.491 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (99.911.379.679) | (847.961.842) |
| <i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i> | 150 | V.04 | 1.932.668.092 | 2.104.655.588 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 1.071.188.214 | 1.311.418.522 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 65.551.731 | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước | 154 | | 163.889.627 | 142.429.066 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 632.038.520 | 650.808.000 |
| B. Tài sản dài hạn | 200 | | 334.918.169.809 | 380.329.208.456 |
| <i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i> | 210 | | - | - |
| <i>II. Tài sản cố định</i> | 220 | | 186.288.477.567 | 241.678.607.326 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.06 | 75.926.635.298 | 82.699.957.805 |
| - Nguyên giá | 222 | | 190.899.569.055 | 194.248.037.356 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (114.972.933.757) | (111.548.079.551) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.05 | 4.228.321.325 | 7.698.877.901 |
| - Nguyên giá | 225 | | 16.144.164.513 | 16.144.164.513 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (11.915.843.188) | (8.445.286.612) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.07 | 96.493.163.513 | 102.310.588.157 |
| - Nguyên giá | 228 | | 112.547.052.023 | 112.547.052.023 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (16.053.888.510) | (10.236.463.866) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.08 | 9.640.357.431 | 48.969.183.463 |
| <i>III. Bất động sản đầu tư</i> | 240 | | - | - |
| <i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i> | 250 | V.09 | 113.420.000.000 | 113.420.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 13.420.000.000 | 13.420.000.000 |
| <i>V. Tài sản dài hạn khác</i> | 260 | V.10 | 35.209.692.242 | 25.230.601.130 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 3.186.385.324 | 4.884.216.115 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | 4.298.093 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | 32.023.306.918 | 20.342.086.922 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 2.010.797.438.059 | 2.082.117.635.886 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A. Nợ phải trả | 300 | | 1.707.075.292.719 | 1.561.324.490.910 |
| <i>I. Nợ ngắn hạn</i> | 310 | V.11 | 1.703.993.833.108 | 1.550.265.067.893 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | | 1.144.200.562.981 | 1.080.024.306.194 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 502.599.826.289 | 335.944.013.491 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 16.205.095.174 | 56.614.377.195 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 314 | | 27.034.414.311 | 71.881.387.752 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 801.642.000 | 1.538.992.000 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | 11.355.036.296 | 3.100.030.619 |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp khác | 319 | | 1.489.159.057 | 1.161.960.642 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 308.097.000 | - |
| <i>II. Nợ dài hạn</i> | 330 | V.12 | 3.081.459.611 | 11.059.423.017 |
| 1. Vay và nợ dài hạn | 334 | | 3.081.459.611 | 7.427.189.150 |
| 2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | 3.632.233.867 |
| B. Vốn chủ sở hữu | 400 | V.13 | 303.722.145.340 | 520.793.144.976 |
| <i>I. Vốn chủ sở hữu</i> | 410 | | 303.722.145.340 | 520.793.144.976 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 344.592.930.000 | 344.592.930.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 140.887.786.000 | 140.887.786.000 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | 125.000.000 |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | (163.000.000) | (125.000.000) |
| 5. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 1.446.176.614 | 1.321.176.614 |
| 6. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 2.340.000.000 | - |
| 7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | (185.381.747.274) | 33.991.252.362 |
| <i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i> | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 2.010.797.438.059 | 2.082.117.635.886 |

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| 1. Tài sản thuê ngoài | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại - USD | 141,677.11 | 432,726.51 |
| - EUR | 198.01 | 208.93 |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | - | - |

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Thị Bé Chính
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Nghiệp
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 12 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 | | 4.277.426.553.202 | 5.430.592.911.756 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 2 | | 859.044.343 | 5.060.611.738 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.14 | 4.276.567.508.859 | 5.425.532.300.018 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.15 | 4.292.809.421.924 | 5.188.684.614.154 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ / (lỗ) | 20 | | (16.241.913.065) | 236.847.685.864 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.16 | 6.237.962.697 | 29.414.696.508 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.17 | 164.452.133.326 | 193.874.457.163 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 155.362.308.698 | 186.703.505.177 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.18 | 28.233.156.624 | 34.731.538.511 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.19 | 25.851.823.956 | 28.297.772.722 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh / (lỗ) | 30 | | (228.541.064.274) | 9.358.613.976 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.20 | 22.077.509.629 | 31.209.252.847 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.21 | 9.305.146.898 | 10.405.382.357 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 12.772.362.731 | 20.803.870.490 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế / (lỗ) | 50 | | (215.768.701.543) | 30.162.484.466 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.22 | - | 8.744.741.420 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | 4.298.093 | 421.627.315 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp / (lỗ) | 60 | | (215.772.999.636) | 20.996.115.731 |

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Thị Bé Chính
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Nghiệp
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 12 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|--------------------------|--------------------------|
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| <i>Lợi nhuận trước thuế/ (lỗ)</i> | 01 | (215.768.701.543) | 30.162.484.466 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 24.778.429.493 | 23.930.542.457 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 98.420.047.109 | (8.357.673.466) |
| (Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | (221.411.435) | 17.192.372 |
| (Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (8.444.889.671) | (40.898.023.356) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 155.362.308.698 | 186.705.505.177 |
| Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 54.125.782.651 | 191.558.027.650 |
| (Tăng) giảm các khoản phải thu | 09 | 357.892.881.195 | 9.768.170.599 |
| (Tăng) giảm hàng tồn kho | 10 | (395.607.681.795) | 142.649.684.803 |
| Tăng (giảm) các khoản phải trả | 11 | 90.267.324.546 | (64.377.735.459) |
| (Tăng) giảm chi phí trả trước | 12 | 5.191.166.046 | 3.101.553.288 |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | (144.297.272.402) | (183.811.974.558) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (16.674.652.629) | (2.012.073.721) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | - | 1.115.000.000 |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | (10.441.558.829) | (5.252.226.914) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (59.544.011.217) | 92.738.425.688 |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ | 21 | (12.147.890.713) | (51.946.272.957) |
| Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 5.745.000.000 | 25.331.863.086 |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | 40.000.000.000 |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 2.699.889.671 | 5.770.694.916 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (3.703.001.042) | 19.156.285.045 |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu | 32 | (38.000.000) | (30.000.000) |
| Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 2.189.171.598.626 | 2.789.634.370.596 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (2.127.070.262.759) | (2.894.712.969.930) |
| Tiền chi trả nợ thuế tài chính | 35 | (3.450.696.800) | (6.722.263.258) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 58.612.639.067 | (111.830.862.592) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | (4.634.373.192) | 63.848.141 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 63.582.495.100 | 63.535.839.331 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 2.850.217 | (17.192.372) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 58.950.972.125 | 63.582.495.100 |

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Nguyễn Thị Bé Chính
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Loan
 Kế toán trưởng



Trần Tuấn Nghiệp
 Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/4/2001 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 14 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302290400 ngày 03/8/2012.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 344.592.930.000 đồng, được chia thành 34.459.293 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông.

2 Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Huu Lien Asia Corporation. Tên viết tắt: HLA CORP.

- Trụ sở chính đặt tại: KE A2/7 Tân Kiên - Bình Lợi, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

- Văn phòng đại diện tại toà nhà HD, lầu 5, 25 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

3 Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất - thương mại - dịch vụ

4 Ngành nghề kinh doanh

Mua bán máy móc thiết bị phục vụ sản xuất - xây dựng. Kinh doanh bất động sản. Sản xuất sản phẩm cơ khí. Cán kéo kim loại. Mua bán nguyên vật liệu, vật liệu xây dựng. Mua bán hạt nhựa phân bón, hàng điện, điện tử gia dụng, bách hoá, hàng trang trí nội thất. Đại lý ký gửi hàng hoá. Dịch vụ thương mại.

5 Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 30/9/2013: 251 người.

6 Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh

| Tên Công ty | Địa chỉ | Lĩnh vực kinh doanh | Tỷ lệ lợi ích | Quyền biểu quyết |
|--------------------------------|--|-------------------------------|---------------|------------------|
| Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên | Lô B15-B21, KCN Phú An Thạnh, đường tỉnh 830, An Thạnh, Bến Lức, Long An | Sản xuất, thương mại, dịch vụ | 100,00% | 100,00% |
| Công ty CP Minh Hữu Liên | R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, Bù Bàng Đoàn, quận 7, Tp. HCM | Sản xuất | 30,68% | 30,68% |



HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

10 năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/10, kết thúc ngày 30/9 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

II Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

V Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác được Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10. Theo đó, Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính, thì:

- Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tỷ giá hối đoái bình quân tại ngày 30/9/2013: 21.081 VND/USD.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cũng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

| | |
|------------------------|----------------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 50 năm |
| Máy móc thiết bị | 04 - 15 năm |
| Phương tiện vận tải | 05 - 10 năm |
| Dụng cụ quản lý | 04 - 10 năm |
| Tài sản cố định khác | 05 - 25 năm |
| Quyền sử dụng đất | 38 - 50 năm (theo thời hạn thuê) |
| Phần mềm | 15 năm |

7. Hợp đồng thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hoá được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Máy móc thiết bị

04 - 05 năm

8. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

9. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh không quá 05 năm.

- Chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí bảo hiểm
- Chi phí sửa chữa
- Chi phí phần mềm, chi phí nghiên cứu thị trường
- Các chi phí khác chờ phân bổ

10. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 24%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 9,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: được hoàn nhập toàn bộ trong năm theo như qui định, và sẽ thực chi khi thực tế phát sinh.

12. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định. Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào khối lượng dịch vụ cung cấp và người mua chấp nhận thanh toán.

17. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

18. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Do chưa có những chứng cứ thích hợp và đầy đủ về việc chắc chắn sẽ có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng.

19. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 2.329.096.283 | 1.812.224.065 |
| Tiền gửi ngân hàng | (*) 24.390.357.991 | 46.560.271.035 |
| Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng, lãi suất từ 3%/năm đến 5%/năm | 32.231.517.851 | 15.210.000.000 |
| Cộng | 58.950.972.125 | 63.582.495.100 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Trong đó, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 141,677.11 USD tương đương 2.986.742.341 đồng và 198,01 EUR tương đương 5.604.277 đồng.

Toàn bộ các khoản tiền gửi có kỳ hạn được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty.

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

| | | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------|-------|------------------------|--------------------------|
| Phải thu khách hàng | (2.1) | 655.689.516.922 | 1.044.011.098.865 |
| Trả trước cho người bán | (2.2) | 87.910.656.742 | 7.123.227.867 |
| Phải thu khác | (2.3) | 20.385.343.469 | 30.648.383.828 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | (2.4) | (3.930.661.539) | (4.575.282.667) |
| Cộng | | 760.054.855.594 | 1.077.207.427.893 |

(2.1) Bao gồm:

| | | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----|------------------------|--------------------------|
| - Phải thu thương mại | (*) | 503.367.872.504 | 836.255.820.436 |
| - Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số VII.3) | | 152.321.644.418 | 207.755.278.429 |
| Cộng | | 655.689.516.922 | 1.044.011.098.865 |

(*) Trong đó, bao gồm các khoản phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ là 628,459.04 USD tương đương 13.248.545.022 đồng.

(2.2) Trong đó, bao gồm các khoản trả trước người bán có gốc ngoại tệ là 1,998,751.44 USD tương đương 42.044.903.292 đồng và khoản trả trước liên quan đến việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh là 40 tỷ đồng.

(2.3) Bao gồm:

| | | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--|-----------------------|-----------------------|
| - Ứng trước cho nhân viên | | - | 73.457.274 |
| - Thuế nhập khẩu của hàng tạm nhập tái xuất | | 20.053.383.147 | 22.934.644.591 |
| - Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính chưa kê khai khấu trừ | | 188.085.151 | 338.548.473 |
| - Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa kê khai khấu trừ | | - | 7.279.520.471 |
| - Cho các bên liên quan mượn (thuyết minh số VII.3) | | 100.000.000 | - |
| - Phải thu lãi từ tiền gửi | | 38.817.969 | - |
| - Các khoản phải thu khác | | 5.057.202 | 22.213.019 |
| Cộng | | 20.385.343.469 | 30.648.383.828 |

(2.4) Biến động dự phòng phải thu khó đòi:

| | | |
|-----------------------------------|--|------------------------|
| Số dư đầu năm (01/10/2012) | | (4.575.282.667) |
| Trích lập dự phòng | | (1.401.407.710) |
| Hoàn nhập dự phòng | | 2.046.028.838 |
| Số dư cuối năm (30/9/2013) | | (3.930.661.539) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

| 3. Hàng tồn kho | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Hàng mua đang đi trên đường | - | 6.740.000 |
| Nguyên liệu, vật liệu | 133.498.190.574 | 235.293.090.398 |
| Công cụ, dụng cụ | 468.531.452 | 648.877.717 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 5.610.901.324 | 21.404.425.752 |
| Thành phẩm | 32.033.122.744 | 102.309.551.403 |
| Hàng hoá | 783.240.274.224 | 200.076.743.221 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (*) (99.911.379.679) | (847.961.842) |
| Cộng | 854.939.640.639 | 558.891.466.649 |

Giá trị hàng tồn kho được sử dụng để thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty như được thuyết minh tại mục số 11, 12 - thuyết minh báo cáo tài chính.

(*) Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

| | |
|------------------------------|-------------------------|
| - Số dư đầu năm | (847.961.842) |
| - Trích lập dự phòng | (99.063.417.837) |
| - Hoàn nhập dự phòng | - |
| - Số dư cuối năm (30/9/2013) | <u>(99.911.379.679)</u> |

| 4. Tài sản ngắn hạn khác | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí trả trước ngắn hạn | (*) 1.071.188.214 | 1.311.418.522 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 65.551.731 | - |
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | (**) 163.889.627 | 142.429.066 |
| Tạm ứng | 623.774.000 | 650.808.000 |
| Ký quỹ ngắn hạn | 8.264.520 | - |
| Cộng | 1.932.668.092 | 2.104.655.588 |

(*) Bao gồm:

| | Số cuối năm |
|--|----------------------|
| - Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ | 869.973.639 |
| - Chi phí bảo hiểm trả trước | 72.249.764 |
| - Chi phí quảng cáo chờ phân bổ | 80.324.372 |
| - Chi phí khác chờ phân bổ | 48.640.439 |
| Cộng | 1.071.188.214 |

(**) Khoản thuế thu nhập cá nhân đang chờ quyết toán.

| 5. Tài sản cố định thuê tài chính | Máy móc thiết bị |
|-----------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | 16.144.164.513 |
| Khấu hao phát sinh trong năm | 3.470.556.576 |
| Khấu hao lũy kế đến 30/9/2013 | 11.915.843.188 |
| | <u>4.757.764.753</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Dụng cụ quản lý | Tài sản khác | Cộng |
|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|----------------------|--------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 47.454.127.029 | 128.219.656.122 | 13.463.064.284 | 4.254.224.921 | 856.965.000 | 194.248.037.356 |
| Tăng | 4.755.294.459 | 6.786.060.509 | - | 26.990.909 | - | 11.568.345.877 |
| Giảm | 103.083.115 | 12.975.336.492 | 211.939.014 | 1.580.255.557 | 46.200.000 | 14.916.814.178 |
| Số dư cuối năm | 52.106.338.373 | 122.030.380.139 | 13.251.125.270 | 2.700.960.273 | 810.765.000 | 190.899.569.055 |
| Hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 10.003.971.849 | 88.208.382.617 | 10.345.720.066 | 2.504.740.143 | 485.264.876 | 111.548.079.551 |
| Tăng | 2.709.347.947 | 11.072.381.802 | 1.263.289.868 | 383.082.688 | 62.345.968 | 15.490.448.273 |
| Giảm | 64.092.455 | 10.964.590.609 | 155.222.791 | 840.484.052 | 41.204.160 | 12.065.594.067 |
| Số dư cuối năm | 12.649.227.341 | 88.316.173.810 | 11.453.787.143 | 2.047.338.779 | 506.406.684 | 114.972.933.757 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 37.450.155.180 | 40.011.273.505 | 3.117.344.218 | 1.749.484.778 | 371.700.124 | 82.699.957.805 |
| Số dư cuối năm | 39.457.111.032 | 33.714.206.329 | 1.797.338.127 | 653.621.494 | 304.358.316 | 75.926.635.298 |

Tài sản cố định hữu hình tăng trong năm do mua mới và xây dựng cơ bản hoàn thành, giảm trong kỳ do nhượng bán và chuyển sang công cụ, dụng cụ theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 32.147.587.299 đồng.

Tại ngày 30/9/2013, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 980.845.946 đồng được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm vi tính | Cộng |
|------------------------|----------------------------|----------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 111.144.145.330 | 1.402.906.693 | 112.547.052.023 |
| Tăng | - | - | - |
| Giảm | - | - | - |
| Số dư cuối năm | (*) 111.144.145.330 | 1.402.906.693 | 112.547.052.023 |
| Hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 10.046.132.531 | 190.331.335 | 10.236.463.866 |
| Tăng | 5.723.897.532 | 93.527.112 | 5.817.424.644 |
| Giảm | - | - | - |
| Số dư cuối năm | 15.770.030.063 | 283.858.447 | 16.053.888.510 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư đầu năm | 101.098.012.799 | 1.212.575.358 | 102.310.588.157 |
| Số dư cuối năm | 95.374.115.267 | 1.119.048.246 | 96.493.163.513 |

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm 10 quyền sử dụng có thời hạn tại quận Bình Tân và quận Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh (thời hạn hết hạn sử dụng: từ năm 2049 đến năm 2055). Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất này được sử dụng để thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

8. Xây dựng cơ bản dở dang

| | | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----|----------------------|-----------------------|
| Quyền sử dụng đất | | - | 40.000.000.000 |
| Chi phí dự án của khu phức hợp cao ốc Hữu Liên | (*) | 8.887.374.409 | 8.887.374.409 |
| Các công trình khác | | 752.983.022 | 81.809.054 |
| Cộng | | 9.640.357.431 | 48.969.183.463 |

(*) Là chi phí đền bù, giải toả tại Phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh. Dự án đang được tạm ngưng thực hiện do Hội đồng Quản trị Công ty quyết định tạm ngưng đầu tư vào lĩnh vực bất động sản và chờ thời điểm thích hợp để triển khai.

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

| | | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----|------------------------|------------------------|
| Đầu tư vào công ty con | (a) | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | (b) | 13.420.000.000 | 13.420.000.000 |
| Cộng | | 113.420.000.000 | 113.420.000.000 |

(a) Đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tỷ lệ vốn góp của Công ty chiếm 100% / tổng vốn điều lệ (100 tỷ đồng) tương đương 100 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(b) bao gồm:

| Tên công ty | Số lượng cổ phần | Mệnh giá | Tỷ lệ sở hữu | Giá trị đầu tư |
|----------------------------|---------------------|----------|-----------------|-----------------------|
| Công ty đã niêm yết | | | | |
| - Công ty CP Minh Hữu Liên | 1.220.000 | 10.000 | 30,68% | 13.420.000.000 |
| Cộng | | | | 13.420.000.000 |

Cho năm tài chính này, Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức hay lợi nhuận được chia nào từ các khoản đầu tư nêu trên

| 10. Tài sản dài hạn khác | | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------|--------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí trả trước dài hạn | (10.1) | 3.186.385.324 | 4.884.216.115 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | - | 4.298.093 |
| Tài sản dài hạn khác | (10.2) | 32.023.306.918 | 20.342.086.922 |
| Cộng | | 35.209.692.242 | 25.230.601.130 |

(10.1) Bao gồm:

| | Số cuối năm |
|--|----------------------|
| - Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 2.250.310.332 |
| - Chi phí sửa chữa chờ phân bổ | 243.204.865 |
| - Chi phí phần mềm quản trị chờ phân bổ | 226.695.127 |
| - Chi phí nghiên cứu thị trường chờ phân bổ | 344.000.000 |
| - Chi phí tư vấn định hướng ngành thép chờ phân bổ | 112.500.000 |
| - Chi phí khác chờ phân bổ | 9.675.000 |
| Cộng | 3.186.385.324 |

(10.2) bao gồm:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| - Ký quỹ để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng | (*) 28.505.456.918 | 16.824.208.392 |
| - Ký quỹ cho các hợp đồng thuê tài chính | 1.701.000.000 | 1.701.000.000 |
| - Ký quỹ thuê mặt bằng | 1.680.000.000 | 1.680.000.000 |
| - Các khoản khác | 136.850.000 | 136.878.530 |
| Cộng | 32.023.306.918 | 20.342.086.922 |

(*) Trong đó, bao gồm các khoản ký quỹ dài hạn có gốc ngoại tệ là 400,795.01 USD tương đương 8.449.159.606 đồng.

| 11. Nợ ngắn hạn | | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|--------|-------------------|-------------------|
| Vay và nợ ngắn hạn | (11.1) | 1.144.200.562.981 | 1.080.024.306.194 |
| Phải trả người bán | (11.2) | 502.599.826.289 | 335.944.013.491 |
| Người mua trả tiền trước | (11.3) | 16.205.095.174 | 56.614.377.195 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | (11.4) | 27.034.414.311 | 71.881.387.752 |
| Phải trả người lao động | | 801.642.000 | 1.538.992.000 |
| Chi phí phải trả | (11.5) | 11.355.036.296 | 3.100.030.619 |
| Các khoản phải trả khác | (11.6) | 1.489.159.057 | 1.161.960.642 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 308.097.000 | - |



HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

10 năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(on vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

| (11.1) bao gồm: | | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------|--------------------------|--------------------------|
| - NH Malayan Banking BerHad | (a) | 45.474.549.602 | 45.388.240.588 |
| - NH TMCP Nam Việt | (b) | 191.802.131.820 | 182.650.724.048 |
| - NH TMCP Sài Gòn Thương Tín | (c) | 520.645.936.378 | 607.777.175.059 |
| - NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam | (d) | 210.353.909.872 | 149.851.435.301 |
| - NH First Commercial Bank | (e) | 84.195.169.770 | 83.180.321.782 |
| - NH TMCP Quân đội | (f) | 87.383.136.000 | - |
| - NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam | | - | 6.684.800.000 |
| - Phần ngắn hạn của khoản nợ vay dài hạn | (12c) | 4.345.729.539 | 4.491.609.416 |
| Cộng | | 1.144.200.562.981 | 1.080.024.306.194 |

(a) Khoản vay Ngân hàng Malayan Banking BerHad - Hồ Chí Minh theo thư đề nghị vay vốn số MBB/HCMC/LO/2010/HLA/09 ngày 09/5/2011 với hạn mức là 2,500,000.00 USD; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 180 ngày; lãi suất vay tại ngày 30/9/2013: 15%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thuộc sở hữu của bên thứ ba. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2013 là **45.474.549.602 đồng**.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Nam Việt theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 019/11/HDHM/101-51 ngày 10/8/2011 và phụ lục bổ sung số 003/PL ngày 03/11/2012 với tổng hạn mức là 200 tỷ đồng; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ (thông thường là 12 tháng); lãi suất vay tại ngày 30/9/2013: vay bằng VND là 13,5%/năm đến 15%/năm, vay bằng USD là 7,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh phát sinh/hình thành trước, trong hoặc sau ngày ký hợp đồng đảm bảo có giá trị tối thiểu là 180 tỷ đồng, 02 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thành phố Hồ Chí Minh; và 01 quyền sử dụng đất tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của bên thứ ba. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2013 là **191.802.131.820 đồng**, bao gồm 187.680.796.320 đồng và 195,500.00 USD tương đương 4.121.335.500 đồng.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng thoả thuận sửa đổi bổ sung số 07/LD1013800069 ngày 01/7/2013 với tổng hạn mức là 750 tỷ đồng; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/9/2013: vay bằng VND là 10,5%/năm đến 13%/năm, vay bằng USD là 6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay; 05 quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình trên đất tại thành phố Hồ Chí Minh và 03 bất động sản thuộc sở hữu của bên thứ ba. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2013 là **520.645.936.378 đồng**, bao gồm 417.044.107.091 đồng và 4,914,464.65 USD tương đương 103.601.829.287 đồng.

(d) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD/72489 ngày 16/5/2013 với tổng hạn mức là 200 tỷ đồng; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/9/2013: 10,5%/năm đến 12%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định với giá trị định giá là 820 triệu đồng, hàng tồn kho được định giá là 57.330.000.000 đồng, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của bên thứ ba, toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2013 là **210.353.909.872 đồng**.

(e) Khoản vay Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số TRTD-H101/122 ngày 29/8/2012 với tổng hạn mức là 4,000,000.00 USD; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 180 ngày; lãi suất vay tại ngày 30/9/2013: từ 13,5%/năm đến 14%/năm. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2013 là **84.195.169.770 đồng**.

(f) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo thông báo cấp hạn mức tín dụng năm 2013 ngày 23/7/2013 với tổng hạn mức là 100 tỷ đồng; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 180 ngày; lãi suất vay tại ngày 30/9/2013: 13,4%/năm. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2013 là **87.383.136.000 đồng**.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU

'HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

họ năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(mọi vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

| (11.2) Bao gồm: | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| - Phải trả người bán thương mại (*) | 479.351.657.765 | 275.594.032.822 |
| - Phải trả đến các bên liên quan (Thuyết minh số VII.3) | 23.248.168.524 | 60.349.980.669 |
| Cộng | 502.599.826.289 | 335.944.013.491 |

(*) Trong đó, bao gồm các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ là 11,342,094.65 USD tương đương 239.102.697.317 đồng.

(11.3) Trong đó, bao gồm các khoản người mua trả trước có gốc ngoại tệ là 574,463.59 USD tương đương 11.981.685.853 đồng.

| (11.4) Bao gồm: | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| - Thuế giá trị gia tăng | - | 32.993.669.331 |
| - Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu | - | 7.279.510.468 |
| - Thuế nhập khẩu | 22.627.817.729 | 10.527.614.542 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 4.405.940.782 | 21.080.593.411 |
| - Thuế khác | 655.800 | - |
| Cộng | 27.034.414.311 | 71.881.387.752 |

| (11.5) Bao gồm: | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------|-----------------------|----------------------|
| - Chi phí lãi vay còn phải trả | 11.065.036.296 | 2.891.530.619 |
| - Chi phí khác còn phải trả | 290.000.000 | 208.500.000 |
| Cộng | 11.355.036.296 | 3.100.030.619 |

| (11.6) Bao gồm: | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Kinh phí công đoàn | 86.715.580 | 112.935.552 |
| - Bảo hiểm bắt buộc | 820.106.100 | - |
| - Nhận ký quỹ ngắn hạn | 500.000.000 | 500.000.000 |
| - Phải trả cho các bên liên quan | - | 543.799.058 |
| - Các khoản phải trả khác | 82.337.377 | 5.226.032 |
| Cộng | 1.489.159.057 | 1.161.960.642 |

| 2. Nợ dài hạn | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Vay và nợ dài hạn (*) | 3.081.459.611 | 7.427.189.150 |
| Dự phòng trợ cấp mất việc làm | - | 3.632.233.867 |
| Cộng | 3.081.459.611 | 11.059.423.017 |

| (*) Bao gồm: | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Vay ngân hàng (a) | 3.296.166.324 | 4.482.958.981 |
| - Nợ thuế tài chính (b) | 4.131.022.826 | 7.435.839.585 |
| - Nợ dài hạn đến hạn trả (c) | (4.345.729.539) | (4.491.609.416) |
| Cộng | 3.081.459.611 | 7.427.189.150 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 11232 ngày 10/11/2006 với số tiền vay là 10.175.513.200 đồng; mục đích vay: xây dựng nhà xưởng; thời hạn vay: 120 tháng; lãi suất vay tại ngày 30/9/2013: 17%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/9/2013 là **3.296.166.324 đồng**, trong đó, bao gồm khoản nợ dài hạn đến hạn trả là 1.040.912.739 đồng.

(b) Thuê tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo hợp đồng số SBL010200906010 ngày 26/6/2009 nhằm tài trợ cho 02 dây chuyền sản xuất với tổng giá trị thuê là 16.914.736.390 đồng; thời hạn thuê: 05 năm (đáo hạn ngày 31/12/2014). Số dư nợ thuê tài chính đến ngày 30/9/2013 là **4.131.022.826 đồng**, trong đó, bao gồm khoản nợ dài hạn đến hạn trả là 3.304.816.800 đồng.

13. Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

| | Số đầu năm | Tăng | Giảm | Số cuối năm |
|------------------------------|------------------------|--------------------------|----------------------|------------------------|
| (a) Vốn đầu tư chủ sở hữu | 344.592.930.000 | - | - | 344.592.930.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 140.887.786.000 | - | - | 140.887.786.000 |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 125.000.000 | - | 125.000.000 | - |
| (b) Cổ phiếu quỹ | (125.000.000) | (38.000.000) | - | (163.000.000) |
| Quỹ đầu tư phát triển | 1.321.176.614 | 125.000.000 | - | 1.446.176.614 |
| Quỹ dự phòng tài chính | - | 2.340.000.000 | - | 2.340.000.000 |
| (c) Lợi nhuận chưa phân phối | 33.991.252.362 | (215.772.999.636) | 3.600.000.000 | (185.381.747.274) |
| Cộng | 520.793.144.976 | (213.345.999.636) | 3.725.000.000 | 303.722.145.340 |

(a) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 344.592.930.000 đồng tương đương 34.459.293 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

| Cổ phiếu | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu được phép phát hành | 67.200.000 | 67.200.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn | 34.459.293 | 34.459.293 |
| Số lượng cổ phiếu mua lại | (16.300) | (12.500) |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 34.444.493 | 34.446.793 |

(b) Tính đến 30/9/2013, Công ty đã mua lại 16.300 cổ phần với giá mua 10.000 đồng/cổ phần làm cổ phiếu quỹ.

(c) Lợi nhuận chưa phân phối

| | |
|---|--------------------------|
| - Lợi nhuận lũy kế đến 01/10/2012 | 33.991.252.362 |
| - Lợi nhuận (lỗ) sau thuế phát sinh trong năm | (215.772.999.636) |
| - Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | (1.260.000.000) |
| - Trích lập quỹ dự phòng tài chính | (2.340.000.000) |
| Lợi nhuận (lỗ) lũy kế đến 30/9/2013 | (185.381.747.274) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7.1. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------------------|--------------------------|
| 4. Doanh thu | | |
| Doanh thu bán hàng hoá | 1.154.690.615.542 | 4.112.630.482.602 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 3.111.756.108.211 | 1.313.280.652.707 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 10.979.829.449 | 4.681.776.447 |
| Chiết khấu thương mại | - | (56.667.175) |
| Giảm giá hàng bán | - | (59.027.150) |
| Hàng bán bị trả lại | (859.044.343) | (4.944.917.413) |
| Cộng | 4.276.567.508.859 | 5.425.532.300.018 |
| 15. Giá vốn hàng bán | | |
| Giá vốn hàng hoá đã bán | 1.074.337.117.980 | 3.951.654.370.535 |
| Giá vốn thành phẩm đã bán | 3.116.786.822.079 | 1.236.959.188.042 |
| Giá vốn dịch vụ đã cung cấp | 2.622.064.028 | 459.539.427 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 99.063.417.837 | (388.483.850) |
| Cộng | 4.292.809.421.924 | 5.188.684.614.154 |
| 16. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền ký quỹ | 2.699.889.671 | 4.770.562.916 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | - | 1.000.132.000 |
| Lãi bán chứng khoán | - | 20.000.000.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 3.536.068.113 | 3.640.045.151 |
| Doanh thu tài chính khác | 2.004.913 | 3.956.441 |
| Cộng | 6.237.962.697 | 29.414.696.508 |
| 17. Chi phí hoạt động tài chính | | |
| Chi phí lãi vay | 155.362.308.698 | 186.703.505.177 |
| Chi phí dự phòng đầu tư tài chính | 1.250.400 | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 9.088.173.694 | 7.104.059.454 |
| Chi phí tài chính khác | 400.534 | 66.892.532 |
| Cộng | 164.452.133.326 | 193.874.457.163 |
| 18. Chi phí bán hàng | | |
| Chi phí nhân viên | 4.208.427.612 | 9.808.550.475 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 21.361.728 | 23.811.287 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 22.080.696.162 | 18.792.385.752 |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.922.671.122 | 6.106.790.997 |
| Cộng | 28.233.156.624 | 34.731.538.511 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

| | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------------|-----------------------|
| 19. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| Chi phí nhân viên quản lý | 11.245.820.483 | 16.431.042.354 |
| Chi phí dụng cụ văn phòng | 472.749.433 | 428.314.916 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 3.952.129.847 | 3.810.152.206 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.121.457.546 | 5.456.737.192 |
| Chi phí (hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi | (644.621.128) | (7.970.944.216) |
| Chi phí bằng tiền khác | 7.704.287.775 | 10.142.470.270 |
| Cộng | 25.851.823.956 | 28.297.772.722 |
| 20. Thu nhập khác | | |
| Thu do nhượng bán tài sản cố định | 5.745.000.000 | 25.331.863.086 |
| Thuế nhập khẩu được hoàn | 8.936.414.273 | 4.903.709.150 |
| Thu do nhượng bán công cụ, phế liệu | 786.656.912 | - |
| Thu từ bồi thường | 173.914.924 | 475.872.729 |
| Xử lý công nợ phải trả theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 20/8/2013 | 3.410.894.976 | - |
| Nhập hàng mẫu | - | 300.958.150 |
| Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm | 3.020.534.617 | - |
| Thu nhập khác | 4.093.927 | 196.849.732 |
| Cộng | 22.077.509.629 | 31.209.252.847 |
| 21. Chi phí khác | | |
| Chi phí nhượng bán công cụ | 349.746.105 | - |
| Chi phí thanh lý tài sản cố định | - | 10.204.534.646 |
| Các khoản tiền phạt | 324.349.910 | 178.291.199 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định vô hình của những năm trước | 3.241.845.671 | - |
| Chi phí lãi phạt chậm nộp thuế GTGT | 5.378.120.354 | - |
| Chi phí khác | 11.084.858 | 22.556.512 |
| Cộng | 9.305.146.898 | 10.405.382.357 |
| 22. Chi phí thuế TNDN hiện hành | | |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | (215.768.701.543) | 30.162.484.466 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 13.204.912.007 | 5.717.555.170 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | (17.192.372) | (2.258.399.536) |
| Thu nhập tính thuế ước tính | (202.580.981.908) | 33.621.640.100 |
| Thuế suất | 25% | 25% |
| Chi phí thuế TNDN tạm nộp | - | 8.405.410.025 |
| Thuế bị truy thu | - | 339.331.395 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | 8.744.741.420 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

| 23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố | Năm nay |
|---|---------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2.946.699.218.268 |
| Chi phí nhân công | 38.364.484.892 |
| Chi phí khấu hao | 24.778.429.493 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 34.537.180.024 |
| Chi phí khác | 10.591.915.550 |
| Cộng | <u>3.054.971.228.227</u> |

VII. Thông tin khác**1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp vào Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên đến Ông Trần Xào Cơ (Chủ tịch Hội đồng Quản trị) theo hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 04/11/2013 với giá chuyển nhượng là 100 tỷ đồng. Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên đã đạt được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101117327 ngày 13/11/2013 về việc thay đổi chủ sở hữu như đã nêu trên.

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Cam kết

Cam kết nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 395, 396 phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/7/2012 giữa Bà Lưu Lang Phương ("bên bán") và Công ty với giá chuyển nhượng là 45 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 30/9/2013, Công ty đã thanh toán cho bên bán là 40 tỷ đồng. Số tiền còn lại Công ty sẽ thanh toán khi bên bán hoàn tất mọi thủ tục chuyển nhượng.

3. Nghiệp vụ các bên liên quan

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

| Bên liên quan | Mối liên kết | Nội dung | Số tiền |
|--------------------------------|------------------|---------------------------|-------------------|
| Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên | Công ty con | Bán hàng hoá | 487.476.777.508 |
| | | Cung cấp dịch vụ | 214.546.167 |
| | | Mua hàng hoá, nguyên liệu | (765.192.030.475) |
| | | Nhận cung cấp dịch vụ | (269.171.099) |
| Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên | Công ty liên kết | Bán hàng hoá | 9.149.627.495 |
| | | Cung cấp dịch vụ | 9.260.834.464 |
| | | Bán tài sản | 4.545.000.000 |
| | | Bán công cụ | 34.330.456 |
| | | Mua vật tư, hàng hóa | (15.534.291.749) |
| | | Nhận cung cấp dịch vụ | (18.846.364) |

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU LIÊN Á CHÂU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

| Bên liên quan | Mối liên kết | Số dư | Phải thu / (phải trả) |
|--------------------------------|------------------|---------------|-----------------------|
| Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên | Công ty con | Phải thu | 146.236.719.769 |
| | | Phải thu khác | 100.000.000 |
| | | Phải trả | (21.159.008.193) |
| Công ty CP Minh Hữu Liên | Công ty liên kết | Phải thu | 6.084.924.649 |
| | | Phải trả | (2.089.160.331) |

I. Quản lý rủi ro tài chính

I.1 Rủi ro thị trường

I.1.1 Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

I.1.2 Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:

| | USD | Tương đương VND |
|---------------------------|------------------------|--------------------------|
| Tài sản tài chính | | |
| - Tiền gửi ngân hàng | 141.677,11 | 2.986.742.341 |
| - Phải thu khách hàng | 628.459,04 | 13.248.545.022 |
| - Ký quỹ dài hạn | 400.795,01 | 8.449.159.606 |
| Cộng | 1.170.931,16 | 24.684.446.969 |
| Nợ tài chính | | |
| - Vay và nợ ngắn hạn | 5.109.964,65 | 107.723.164.787 |
| - Phải trả người bán | 11.342.094,65 | 239.102.697.317 |
| Cộng | 16.452.059,30 | 346.825.862.104 |
| Mức rủi ro tiền tệ | (15.281.128,14) | (322.141.415.135) |

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

10 năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013 sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (16.107.070.757 đồng) do (lỗ)/lãi chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản ký quỹ dài hạn, các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

| | | |
|--------------------------------|--------------------------|---------------------------|
| Tài sản có lãi suất | 30/9/2013 | Biến động lãi suất 2% (*) |
| - Tiền gửi Ngân hàng | 32.231.517.851 | 644.630.357 |
| - Ký quỹ dài hạn | 28.505.456.918 | 570.109.138 |
| Cộng | 60.736.974.769 | 1.214.739.495 |
| Nợ phải trả có lãi suất | 30/9/2013 | Biến động lãi suất 2% |
| - Vay và nợ ngắn hạn | 1.144.200.562.981 | 22.884.011.260 |
| - Vay và nợ dài hạn | 3.081.459.611 | 61.629.192 |
| Cộng | 1.147.282.022.592 | 22.945.640.452 |
| Chênh lệch | | (21.730.900.957) |

(*) Biến động lãi suất 2% = (tổng số dư Tài sản có lãi suất - tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất) x 2%.

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Công ty do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (21.730.900.957 đồng).

2 Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các đồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

| Tại ngày 30/9/2013 | Dưới 01 năm | Từ 01 đến 05 năm | Cộng |
|---|--------------------------|----------------------|--------------------------|
| - Các khoản vay và nợ | 1.144.200.562.981 | 3.081.459.611 | 1.147.282.022.592 |
| - Phải trả người bán | 502.599.826.289 | - | 502.599.826.289 |
| - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 27.034.414.311 | - | 27.034.414.311 |
| - Phải trả người lao động | 801.642.000 | - | 801.642.000 |
| - Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả | 12.844.195.353 | - | 12.844.195.353 |
| Cộng | 1.687.480.640.934 | 3.081.459.611 | 1.690.562.100.545 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là khá cao. Công ty tin tưởng vẫn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

họ năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn (thuyết minh tại mục số 3, 6 và 7 - phần Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

| | Giá trị sổ sách | So sánh với giá thị trường | | Đơn vị tính: 1.000 đồng | |
|-----------------------------------|--------------------|----------------------------|---------------------|-------------------------|----------------|
| | | Tăng | Giảm | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| Đầu tư ngắn hạn | | | | | |
| Chứng khoán vốn niêm yết | 9.095 | - | (7.963) | 1.132 | (7.963) |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 32.231.518 | - | - | 32.231.518 | - |
| Các khoản đầu tư dài hạn | | | | | |
| Chứng khoán vốn niêm yết | 13.420.000 | 244.000 | - | 13.664.000 | - |
| Chứng khoán vốn chưa niêm yết (*) | 100.000.000 | - | (46.024.373) | 53.975.627 | - |
| Cộng | 145.660.613 | 244.000 | (46.032.337) | 99.872.276 | (7.963) |

(*) Vào ngày 04/11/2013, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp vào Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên với giá chuyển nhượng bằng với giá gốc khoản đầu tư (100 tỷ đồng). Do đó, Công ty đã không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn của khoản đầu tư này.

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 754.502.823.319 đồng Việt Nam.

Tài sản tài chính quá hạn và / hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

| | |
|---|----------------------|
| Giá trị ghi sổ | 30/9/2013 |
| Tổng gộp | 9.482.693.814 |
| Trừ dự phòng giảm giá trị | (3.930.661.539) |
| Giá trị thuần của khoản phải thu này | 5.552.032.275 |

Dự phòng giảm giá trị

| | |
|----------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm | (4.575.282.667) |
| Tăng do trích lập dự phòng | (1.401.407.710) |
| Giảm do hoàn nhập dự phòng | 2.046.028.838 |
| Số dư cuối năm | (3.930.661.539) |

Nguyễn Thị Bé Chính
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Nghiệp

Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 12 năm 2013